

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**Mẫu 5**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Sư phạm Mỹ thuật**  
**Mã số: 52 14 02 22**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Sư phạm Mỹ thuật**  
**Mã số: 52 14 02 22**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT  
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....</b>	<b>3</b>
1.1. Mục tiêu chung.....	3
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra .....	3
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức .....	3
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng.....	4
1.2.3. Yêu cầu về thái độ .....	4
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp .....	4
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp .....	5
1.5. Các chương trình đã tham khảo .....	5
1.5.1. Các chương trình trong nước .....	5
1.5.2. Các chương trình nước ngoài.....	5
<b>PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>6</b>
2.1. Khái quát chương trình đào tạo.....	6
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo.....	6
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo .....	6
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	6
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo .....	6
2.2. Khung chương trình đào tạo.....	8
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành .....	11
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ .....	12
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành.....	14
<b>PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN .....</b>	<b>15</b>
ĐƯỜNG LỐI VĂN HÓA VĂN NGHỆ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ...	16
LỊCH SỬ MỸ THUẬT VIỆT NAM.....	22
LỊCH SỬ MỸ THUẬT THẾ GIỚI.....	26
LUẬT XA GẦN.....	29
NGHIÊN CỨU MỸ THUẬT CỔ VIỆT NAM.....	32
GIẢI PHẪU TẠO HÌNH .....	36
NGUYÊN LÝ THỊ GIÁC .....	40
NGHIÊN CỨU CHẤT LIỆU.....	43
ĐIỀU KHẮC .....	47
TIN HỌC ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH MỸ THUẬT 1 .....	50
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH MỸ THUẬT .....	53
HÌNH HỌA 1 .....	56

HÌNH HỌA 2 .....	60
HÌNH HỌA 3 .....	64
HÌNH HỌA 4 .....	67
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT 1 .....	71
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT 2 .....	74
KÝ HỌA THỰC TẾ 1 .....	77
KÝ HỌA THỰC TẾ 2 .....	80
TRANG TRÍ 1 .....	83
TRANG TRÍ 2 .....	87
HÌNH HỌA 5 .....	90
HÌNH HỌA 6 .....	94
TRANG TRÍ 3 .....	98
TRANG TRÍ 4 .....	101
BỐ CỤC 1 .....	104
BỐ CỤC 2 .....	108
SÁNG TÁC 1 .....	112
SÁNG TÁC 2 .....	116
SÁNG TÁC 3 .....	119
SÁNG TÁC 4 .....	122
THỰC HÀNH SỰ PHẠM 1Đ .....	125
THỰC HÀNH SỰ PHẠM 2Đ .....	128
THỰC HÀNH SỰ PHẠM 3Đ .....	131
THỰC HÀNH SỰ PHẠM 4Đ .....	134
THỰC HÀNH SỰ PHẠM 5Đ .....	136
HÌNH HỌA 7 .....	138
SÁNG TÁC CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP .....	142
TIN HỌC ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH MỸ THUẬT 2 .....	145

## PHẦN 1

### MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân ngành Sư phạm Mỹ thuật có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực giáo dục và sáng tạo Mỹ thuật để giảng dạy Mỹ thuật ở các bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung cấp và cao đẳng nghề, có khả năng nghiên cứu khoa học giáo dục Mỹ thuật, tổ chức và quản lý các hoạt động Mỹ thuật, cũng như nghiên cứu học tập nâng cao trình độ chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

##### 1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

- Kiến thức chung
  - Nắm vững kiến thức về: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương;
  - Có kiến thức cơ bản về Văn hóa học, Cơ sở văn hóa Việt Nam;
  - Có kiến thức cơ bản về Mỹ học.
    - Kiến thức cơ sở
      - Có kiến thức cơ bản về Lịch sử Mỹ thuật Thế giới, Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam, Nghiên cứu Mỹ thuật cổ Việt Nam;
      - Có kiến thức cơ bản về Nguyên lý thị giác, Luật xa gần, Giải phẫu tạo hình, Điêu khắc;
      - Có phương pháp Nghiên cứu về chất liệu trong Mỹ thuật tạo hình;
      - Có kiến thức cơ bản về Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ thuật.
        - Kiến thức chuyên ngành
          - Có kiến thức chuyên sâu về Hình họa, Trang trí, Bố cục trong Mỹ thuật tạo hình;
          - Trải nghiệm thực tế tại các vùng miền phục vụ cho nghiên cứu sáng tác;
          - Nắm vững phương pháp dạy học Mỹ thuật;
          - Khóa luận tốt nghiệp với các đề tài gắn liền với nghiên cứu thực tế về Mỹ thuật tạo hình và phương pháp dạy học Mỹ thuật.
            - Kiến thức về nghiệp vụ sư phạm

- Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, Giáo dục học đại cương, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo THPT, Phương pháp nghiên cứu Khoa học giáo dục;

- Có kiến thức về Tâm lý học, Tâm lý học lứa tuổi THCS và tâm lý học sư phạm;

- Có kiến thức về Tổ chức HĐ dạy học và giáo dục ở trường THPT;

- Thực tập sư phạm tại các trường THCS.

- Kiến thức bổ trợ

- Đạt yêu cầu về Ngoại ngữ (tiếng Anh) với một trong những Chứng chỉ sau:

- Chứng chỉ B (Quốc gia)
  - Chứng chỉ B1 (khung Châu Âu)
  - Chứng chỉ Toeic 450
  - Chứng chỉ Toefl PBT 450
  - Chứng chỉ Toefl IBT 45
  - Chứng chỉ IELTS 4.5

- Đạt yêu cầu về Tin học với Chứng chỉ A (Quốc gia) và Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học.

### **1.2.2. Yêu cầu về kĩ năng**

- Kỹ năng tổ chức, quản lý và trực tiếp giảng dạy về chuyên ngành Mỹ thuật ở các trường THCS, THPT, các trường Trung cấp và các Trung tâm dạy nghề;

- Nghiên cứu, thiết kế và sáng tạo tác phẩm Mỹ thuật;

- Có kỹ năng khai thác thông tin liên quan đến chuyên ngành Mỹ thuật, sử dụng và cập nhật các phần mềm cơ bản hỗ trợ cho chuyên ngành.

### **1.2.3. Yêu cầu về thái độ**

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, nắm vững và tuân thủ đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước;

- Có ý thức trách nhiệm công dân, có trách nhiệm với cộng đồng xã hội, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, có tinh thần hợp tác và sẵn sàng làm việc theo nhóm;

- Có phương pháp làm việc khoa học, phân tích và giải quyết vấn đề trong thực tiễn một cách linh hoạt và mềm dẻo.

## **1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

- Giáo viên giảng dạy bộ môn mỹ thuật ở các trường THCS, các trường Trung cấp và các Trung tâm dạy nghề;

- Cán bộ tổ chức, quản lý các hoạt động về Mỹ thuật; Nhà thiết kế Mỹ thuật.

#### **1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tự học và nghiên cứu sâu về ngành Mỹ thuật và các ngành kế cận về lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật;
- Tiếp tục học thêm chuyên ngành Mỹ thuật ở các bậc cao hơn trong và ngoài nước.

#### **1.5. Các chương trình đã tham khảo**

##### **1.5.1. Các chương trình trong nước**

- Chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Mỹ thuật, hệ chính quy, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Mỹ thuật, hệ chính quy, trường Đại học Mỹ thuật, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Mỹ thuật, hệ chính quy, trường Đại học Nghệ thuật Huế.

##### **1.5.2. Các chương trình nước ngoài**

- Chương trình đào tạo của Khoa nghệ thuật Học viện Nghệ thuật Chicago (Mỹ).
- Chương trình đào tạo của Khoa nghệ thuật trường Cao đẳng Nghệ thuật Edinburgh (Vương quốc Anh).
- Chương trình đào tạo của Khoa hội họa sáng tác trường Đại học Kyoto Seika (Nhật Bản).

**DUYỆT  
HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA/NGÀNH**

**PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**

**ThS. Đỗ Xuân Tịnh**

## PHẦN 2

### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Khái quát chương trình đào tạo

##### 2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm

##### 2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: 132 tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 132 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 19 tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 0 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: 33 tín chỉ (bắt buộc: 33 tín chỉ; tự chọn 0 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: 62 tín chỉ (bắt buộc: 62 tín chỉ; tự chọn 0 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành: 0 tín chỉ (bắt buộc: 0 tín chỉ; 0 tín chỉ)
- Thực tập sư phạm: 9 tín chỉ.
- Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 9 tín chỉ.

##### 2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

##### 2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

- Có nguồn nhân lực và nguồn tài chính phù hợp để thực hiện chương trình đào tạo.
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị: phòng học, phòng thực hành,...đảm bảo đáp ứng yêu cầu ngành đào tạo.



- Có đủ nguồn thông tin, tư liệu: giáo trình, bài giảng, sách, tạp chí trong và ngoài nước... được cập nhật thường xuyên để đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- Để đảm bảo chất lượng dạy và học, với các học phần chuyên ngành như Hình họa, Trang trí, Bố cục, Sáng tác, Điêu khắc, Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ thuật cần chia nhóm, mỗi nhóm không quá 35 sinh viên.

## 2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ</b>										
<b>Bắt buộc: 19/19 tín chỉ</b>										
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1.0	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1.0	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1.0	861002
4	Tiếng Anh I	866101	2	30				30	1.0	
5	Tiếng Anh II	866102	2	30				30	1.0	866101
6	Tiếng Anh III	866103	3	45				45	1.0	866102
7	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1.0	
8	Giáo dục thể chất (I)	862101	1				30	30	0.5	
9	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				30	30	0.5	862101
10	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				30	30	0.5	862102
11	Giáo dục quốc phòng – An ninh (I)	862106	3	45				45	1.0	861003
12	Giáo dục quốc phòng – An ninh (II)	862107	2	30				30	1.0	
13	Giáo dục quốc phòng – An ninh (III)	862108	3	45				45	1.0	
<b>Tự chọn: 0/19 tín chỉ</b>										
<b>II Khối kiến thức cơ sở: 33/132 tín chỉ</b>										
<b>Bắt buộc: 33/33 tín chỉ</b>										
14	Mỹ học	865004	2	30				30	1.0	
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	30				30	1.0	
16	Phương pháp NCKHGD	863009	2	30				30	1.0	863004+ 863008
17	Tâm lý học đại cương	863001	2	30				30	1.0	
18	Giáo dục học đại cương	863005	2	30				30	1.0	
19	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	817001	2	20	1	9		30	1.0	
20	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	817020	2	26		4		30	1.0	817021
21	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	817021	2	26		4		30	1.0	
22	Luật xa gần	817022	2	15			30	45	0.67	
23	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ Việt Nam	817023	2	15			30	45	0.67	
24	Giải phẫu tạo hình	817025	2	15			30	45	0.67	
25	Nguyên lý thị giác	817026	2	15			30	45	0.67	817022

26	Nghiên cứu chất liệu	817027	2	15			30	45	0.67	
27	Điều khắc	817115	3	30			30	60	0.75	
28	Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ thuật 1	817301	2	15			30	45	0.67	
29	Tiếng Anh chuyên ngành Mỹ thuật	817302	2	30				30	1.0	866101
<b>Tự chọn: 0/33 tín chỉ</b>										
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức ngành: 62/132 tín chỉ</b>									
<b>Bắt buộc: 62/62 tín chỉ</b>										
30	Hình họa 1	817050	2	15			30	45	0.67	
31	Hình họa 2	817053	2	15			30	45	0.67	817050
32	Hình họa 3	817117	2	15			30	45	0.67	817053
33	Hình họa 4	817118	2	15			30	45	0.67	817117
34	PPDH Mỹ thuật 1	817051	2	15			30	45	0.67	
35	PPDH Mỹ thuật 2	817056	2	15			30	45	0.67	817051+ 817107+ 817108
36	Ký họa thực tế 1	817057	4				120	120	0.5	817117
37	Ký họa thực tế 2	817058	4				120	120	0.5	817057
38	Trang trí 1	817052	2	15			30	45	0.67	
39	Trang trí 2	817119	2	15			30	45	0.67	817052
40	TLH lứa tuổi THPT và TLH Sư phạm	863004	2	30				30	1.0	863001
41	Tổ chức HĐ dạy học và giáo dục ở trường THPT	863008	3	45				45	1.0	863005
42	Quản lý HCNN và Quản lý Ngành GD – ĐT (THPT)	863012	2	30				30	1.0	863008
43	Hình họa 5	817060	3	30			30	60	0.75	817118
44	Hình họa 6	817061	3	30			30	60	0.75	817060
45	Trang trí 3	817303	2	15			30	45	0.67	817119
46	Trang trí 4	817304	2	15			30	45	0.67	817303
47	Bố cục 1	817104	2	15			30	45	0.67	
48	Bố cục 2	817105	2	15			30	45	0.67	817104
49	Sáng tác 1	817064	3	30			30	60	0.75	
50	Sáng tác 2	817065	3	30			30	60	0.75	817064
51	Sáng tác 3	817066	3	30			30	60	0.75	817065
52	Sáng tác 4	817106	3	30			30	60	0.75	817066
53	Thực hành sư phạm 1Đ	817107	1				30	30	0.5	
54	Thực hành sư phạm 2Đ	817108	1				30	30	0.5	817107
55	Thực hành sư phạm 3Đ	817109	1				30	30	0.5	817108
56	Thực hành sư phạm 4Đ	817110	1				30	30	0.5	817109
57	Thực hành sư phạm 5Đ	817111	1				30	30	0.5	817110
<b>Tự chọn: 0/62 tín chỉ</b>										

<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 0/132 tín chỉ</b>									
<b>V</b>	<b>Thực tập: 9/132 tín chỉ</b>									
40	Thực tập sư phạm 1	863115	3							817051+ 817056+ 817107+ 817108
41	Thực tập sư phạm 2	863014	6							863115+ 817109+ 817110
<b>VI</b>	<b>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp: 9/132 tín chỉ</b>									
	Khóa luận tốt nghiệp	817399	9							
42	Hình họa 7	817120	3	30			30	60	0.75	817061
43	Sáng tác chuyên đề tốt nghiệp	817305	3	30			30	60	0.75	817066
44	Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ thuật 2	817121	3	30			30	60	0.75	817301
	<b>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</b>		<b>132 tín chỉ/ 132 tín chỉ</b>							

### 2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I</b>	<b>Chuyên ngành: (0/132 tín chỉ)</b>									
	<i>Bắt buộc: 0/0 tín chỉ</i>									
	<i>Tự chọn: 0/0 tín chỉ</i>									



31	Hình họa 2	817053	2		x								
32	Hình họa 3	817117	2			x							
33	Hình họa 4	817118	2				x						
34	PPDH Mỹ thuật 1	817051	2		x								
35	PPDH Mỹ thuật 2	817056	2				x						
36	Ký họa thực tế 1	817057	4					x					
37	Ký họa thực tế 2	817058	4								x		
38	Trang trí 1	817052	2	x									
39	Trang trí 2	817119	2		x								
40	TLH lứa tuổi THPT và TLH Sư phạm	863004	2										
41	Tổ chức HĐ dạy học và giáo dục ở trường THPT	863008	3										
42	Quản lý HCNN và Quản lý Ngành GD – ĐT (THPT)	863012	2										
43	Hình họa 5	817060	3					x					
44	Hình họa 6	817061	3						x				
45	Trang trí 3	817303	2			x							
46	Trang trí 4	817304	2					x					
47	Bố cục 1	817104	2						x				
48	Bố cục 2	817105	2								x		
49	Sáng tác 1	817064	3						x				
50	Sáng tác 2	817065	3							x			
51	Sáng tác 3	817066	3								x		
52	Sáng tác 4	817106	3									x	
53	Thực hành sư phạm 1Đ	817107	1		x								
54	Thực hành sư phạm 2Đ	817108	1			x							
55	Thực hành sư phạm 3Đ	817109	1						x				
56	Thực hành sư phạm 4Đ	817110	1								x		
57	Thực hành sư phạm 5Đ	817111	1									x	
<b>Tự chọn: 0/62 tín chỉ</b>													
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 0/132 tín chỉ</b>												
<b>V</b>	<b>Thực tập: 9/132 tín chỉ</b>												
58	Thực tập sư phạm 1	863115	3									x	
59	Thực tập sư phạm 2	863014	6										x
<b>VI</b>	<b>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp: 9/132 tín chỉ</b>												
	Khóa luận tốt nghiệp	817399	9										
60	Hình họa 7	817120	3										x
61	Sáng tác chuyên đề tốt nghiệp	817305	3										x
62	Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ thuật 2	817121	3										x
<b>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</b>			<b>132 tín chỉ/ 132 tín chỉ</b>										

### 2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Chuyên ngành 1: (0/132 tín chỉ)											
	<i>Bắt buộc: 0/00 tín chỉ</i>											
	<i>Tự chọn: 0/00 tín chỉ</i>											

**DUYỆT  
HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA/NGÀNH**

**PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**

**ThS. Đỗ Xuân Tịnh**



**PHẦN 3**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

**HỌC PHẦN**  
**ĐƯỜNG LỐI VĂN HÓA VĂN NGHỆ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Mã học phần: 817001
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (20,1,9,0)
- Điều kiện để học học phần:
- Đòi hỏi học phần học trước: không
- Đòi hỏi học phần song hành: Không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Giáo dục chính trị

**3. Mô tả học phần:**

- Môn học bao gồm 7 chương nội dung chính với những nội dung cơ bản: Sự hình thành và phát triển đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng CSVN từ năm 1930 đến nay; Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới ; Đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; Đường lối tổ chức xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; Đường lối chỉ đạo của Đảng đẩy mạnh hợp tác quốc tế về văn hóa trong thời kỳ hội nhập ; Đường lối của Đảng về văn học nghệ thuật.

- Làm sáng tỏ Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng là một bộ phận hữu cơ của đường lối cách mạng Việt Nam nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Giáo dục, động viên toàn dân nói chung và thế hệ trẻ nói riêng tin tưởng vào sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng trên nhiều lĩnh vực nói chung và trên lĩnh vực văn hóa văn nghệ nói riêng trong thời kỳ đất nước hội nhập quốc tế hiện nay.

**4. Mục tiêu học phần:**

**4.1. Về kiến thức:**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển hoàn thiện đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng từ khi thành lập đến nay; nhấn mạnh một số nội dung cơ bản của đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

**4.2. Về kỹ năng:**

Giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

#### 4.3. Về thái độ:

- Xây dựng cho sinh viên niềm tự hào về vai trò lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa văn nghệ nói riêng trong thời kỳ đấu tranh cách mạng giành độc lập dân tộc với những thắng lợi vĩ đại.

- Giáo dục niềm tin cho thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Từ đó xác định rõ trách nhiệm của mình đối với việc phát triển sự nghiệp văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam</b>	1	Sử dụng bài giảng điện tử GV diễn giảng, phân tích. Giới thiệu tài liệu cho SV.
<b>1.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu</b>		
1.1.1. Đối tượng nghiên cứu		
1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu		
<b>1.2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học</b>		
1.2.1. Phương pháp nghiên cứu		
1.2.2. Ý nghĩa của học tập môn học		
<b>Chương 2: Sự hình thành và phát triển đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng CSVN từ năm 1930 đến 1985</b>	5	Sử dụng bài giảng điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá... có hình ảnh, phim tư liệu minh họa. Thuyết trình theo nhóm
<b>2.1. Đường lối văn hóa văn nghệ trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</b>		
<b>2.2. Sự hình thành và phát triển đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng từ năm 1930 đến năm 1975.</b>		
2.2.1. Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng từ khi thành lập đến Đề cương văn hóa năm 1943		
2.2.2. Đề cương văn hóa năm 1943, Tuyên ngôn văn hóa của Đảng Cộng sản Đông Dương.		
<b>2.3. Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng sau cách mạng Tháng Tám 1945 đến năm 1975</b>		Sử dụng các PP dạy học.

2.3.1. Trong những năm 1945-1954		Thuyết trình, thảo luận theo nhóm
2.3.2. Trong những năm 1954-1975		
<b>2.4. Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng thời kỳ trước đổi mới 1975-1985</b>		Hệ thống nội dung cơ bản toàn chương và ra đề tài cho sinh viên chuẩn bị thảo luận, thuyết trình
<b>Chương 3: Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới</b>	4	Sử dụng bài giảng điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá... có hình ảnh, phim tư liệu minh họa. Thuyết trình theo nhóm
<b>3.1. Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa thời kỳ 1986-1996</b>		
3.1.1. Trong giai đoạn 1986-1991		Đặt câu hỏi cho SV suy nghĩ và trả lời tại lớp
3.1.2. Trong giai đoạn 1991-1996		
<b>3.2. Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa trong những năm đầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ( 1996-2001)</b>		
3.2.1. Xây dựng chiến lược văn hóa		
3.2.2. Quá trình Đảng chỉ đạo xây dựng và phát triển nền văn hóa		
<b>3.3. Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ 2001-đến nay</b>		
3.3.1. Tình hình đất nước và sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa trong thập kỷ đầu thế kỷ XXI		
3.3.2. Thời cơ và thách thức đối với việc xây dựng, phát triển văn hóa và sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa hiện nay.		
<b>3.4. Thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm</b>		SV tự đánh giá
<b>Chương 4: Đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc</b>	5	
<b>4.1. Những vấn đề đặt ra trước sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc</b>		Sử dụng các PP DH Thuyết trình, thảo luận theo nhóm
4.1.1 Sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.		

4.1.2. Yêu cầu của việc tiếp thu các thành tựu văn hóa, văn minh của nhân loại.		
4.1.3. Thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc		
<b>4.2. Phương hướng, quan điểm chỉ đạo nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc</b>		Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)
4.2.1. Phương hướng chỉ đạo		
4.2.2. Tính chất tiên tiến của nền văn hóa Việt Nam		
4.2.3. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam		
4.2.4. Các quan điểm chỉ đạo cơ bản		
<b>4.3. Nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc</b>		Sử dụng các PPDH. Thuyết trình, thảo luận . Đặt câu hỏi trong quá trình dạy-học phát huy tính tích cực của SV.
4.3.1. Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới		SV liên hệ thực tiễn minh họa. Nêu lên suy nghĩ và trách nhiệm của mình.
4.3.2. Xây dựng môi trường văn hóa		
4.3.3. Phát triển sự nghiệp văn hóa nghệ thuật		
4.3.4. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa		
4.3.5. Phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ.		
4.3.6. Phát triển đi đôi với quản lý tốt các phương tiện thông tin đại chúng		
4.3.7. Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số.		
4.3.8. Chính sách văn hóa đối với tôn giáo		
4.3.9. Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa		
4.3.10. Củng cố, xây dựng và hoàn thiện các thể chế văn hóa.		
<b>Chương 5: Đường lối tổ chức xây dựng đời sống văn hóa cơ sở</b>	5	Sử dụng bài giảng điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá... có hình ảnh, phim tư liệu minh họa.
<b>5.1. Vai trò và ý nghĩa của việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.</b>		
5.1.1. Thế nào là đời sống văn hóa?		
5.1.2. Vai trò và ý nghĩa của việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở		
<b>5.2. Các loại hình hoạt động văn hóa cơ sở</b>		
5.2.1. Hoạt động thông tin, tuyên truyền và cổ động		
5.2.2. Hoạt động câu lạc bộ		Sử dụng các PPDH Thuyết trình, thảo luận theo nhóm

5.2.3. Hoạt động thư viện		Sử dụng bài giảng điện tử GV diễn giảng, phân tích, đánh giá...có hình ảnh, phim tư liệu minh họa. SV liên hệ.	
5.2.4. Hoạt động giáo dục truyền thống			
5.2.5. Hoạt động văn nghệ quần chúng			
5.2.6. Hoạt động xây dựng nếp sống văn hóa			
5.2.7. Hoạt động thể dục, thể thao vui chơi, giải trí			
5.2.8. Hoạt động xã hội từ thiện			
<b>5.3.Những nguyên tắc của hoạt động văn hóa cơ sở</b>			
5.3.1. Nguyên tắc tính dân tộc gắn liền với tính tư tưởng xã hội chủ nghĩa			Sử dụng các PPDH Thuyết trình, thảo luận theo nhóm
5.3.2. Nguyên tắc tính khoa học			
5.3.3. Nguyên tắc phát huy tính chủ động sáng tạo			
<b>5.4. Xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở</b>			
<b>Chương 6: Đường lối chỉ đạo của Đảng đẩy mạnh hợp tác quốc tế về văn hóa trong thời kỳ hội nhập.</b>	5	Minh họa hình ảnh và tư liệu trong bài giảng	
<b>6.1. Thời cơ và thách thức đối với việc hợp tác quốc tế về văn hóa</b>			
6.1.1. Thời cơ			
6.1.2. Thách thức			
<b>6.2. Một số quan điểm chỉ đạo của Đảng về hợp tác quốc tế trong văn hóa</b>			
6.2.1. Đấu tranh kiên quyết làm thất bại âm mưu “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa của các thế lực thù địch.			
6.2.2. Tăng cường giao lưu, mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa			
6.2.3. Chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp và tinh hoa của nền văn hóa dân tộc			Tổ chức thuyết trình nhóm đánh giá cho điểm
6.2.4. Từng bước xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp luật về văn hóa			
6.2.5. Đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật, thông tấn báo chí, xuất bản			Tổng kết nội dung chính của chương
<b>Chương 7: Đường lối của Đảng về văn học nghệ thuật</b>	5		
<b>7.1. Vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của văn học nghệ thuật</b>		Sử dụng các PPDH Thuyết trình, thảo luận. Đặt câu hỏi trong quá trình dạy-học phát huy tính tích cực của SV	
7.1.1. Văn học nghệ thuật và vị trí, vai trò của nó trong đời sống			
7.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của văn học nghệ thuật			
<b>7.2. Sự lãnh đạo của Đảng đối với văn học nghệ thuật</b>			

<b>thuật</b>		
7.2.1. Mục tiêu cơ bản		Tổng kết-ôn tập
7.2.2. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng		
7.2.3. Một số biện pháp		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Bộ văn hóa-thông tin(1995), *Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam(Giáo trình giảng dạy trong các trường Văn hóa nghệ thuật)*, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội .

### 6.2. Tài liệu khác

2. GS. Đinh Xuân Lâm, PGS.TS. Bùi Đình Phong ( 2007), *Văn hóa và triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. TS. Nguyễn Danh Tiên (2012), *Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2012), *Một số nội dung cơ bản trong quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về kinh tế, văn hóa, đối ngoại ( Giáo trình trung cấp lý luận chính trị- hành chính)*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
5. GS.VS. Hoàng Trinh (2000), *Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa trong văn hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở thời gian làm bài: 75 phút

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1

- Điểm trung bình các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2

- Điểm thi kết thúc học phần (Hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Phan Thị Xuân Yến

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: SU PHẠM MỸ THUẬT

**HỌC PHẦN**  
**LỊCH SỬ MỸ THUẬT VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam
- Mã học phần: 817020
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (26; 0; 4; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Lịch sử Mỹ thuật Thế giới (817021)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

- Lịch sử mỹ thuật Việt Nam là một trong những môn học đầu tiên cho chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật cung cấp những kiến thức tổng quát về các giai đoạn lịch sử của mỹ thuật Việt Nam.

- Giới thiệu các thời kỳ, các công trình, các tác phẩm, các tác giả tiêu biểu một cách khoa học.

- Cung cấp những cơ sở lý luận giúp người học có thể tiếp cận các tác phẩm mỹ thuật thuận lợi hơn, đồng thời cũng kết hợp đào luyện thụ cảm về nghệ thuật tạo hình.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- SV hiểu được một cách tổng quát lịch sử mỹ thuật Việt Nam từ thời Cổ đại đến nay qua các giai đoạn lịch sử.

- SV biết phân định những giá trị đặc thù của nghệ thuật tạo hình Việt Nam qua các phân kỳ lịch sử.

- SV hiểu được các giai đoạn hình thành, phát triển và hội nhập cơ bản của mỹ thuật Việt Nam.

**4.2. Về kỹ năng**



- SV có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào việc nghiên cứu mỹ thuật cổ Việt Nam, trong thường thức mỹ thuật.

- SV có kỹ năng vận dụng những kiến thức đã tiếp thu vào việc tìm tòi, học hỏi và nghiên cứu, soạn thảo giáo trình, giáo án phục vụ cho công tác giảng dạy.

#### 4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc, biết yêu quý và trân trọng những giá trị lịch sử mỹ thuật tồn tại dưới dạng những công trình, tác phẩm.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Lịch sử mỹ thuật Cổ đại Việt Nam.</b>	3	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>1.1. Mỹ thuật Việt Nam thời nguyên thủy</b>		
1.1.1. Mỹ thuật thời kỳ Đồ đá		
1.1.2. Mỹ thuật thời Kim khí		
<b>1.2. Mỹ thuật Việt Nam thời dựng nước</b>		
1.2.1. Các giai đoạn phát triển văn hóa		
1.1.2. Sự phát triển của mỹ thuật	5	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Thuyết trình, thảo luận theo nhóm.
<b>Chương 2: Mỹ thuật Việt Nam qua các triều đại phong kiến.</b>		
<b>2.1. Mỹ thuật Việt Nam thời Bắc thuộc</b>		
2.1.1. Mỹ thuật thời cuối Âu Lạc		
2.1.2. Giai đoạn thuộc Tùy – Đường		
<b>2.2. Mỹ thuật thời Lý (1010 – 1225)</b>		
2.2.1. Bối cảnh lịch sử		
2.2.2. Kiến trúc, điêu khắc, trang trí		
<b>2.3. Mỹ thuật nhà Trần, nhà Hồ (1226 – 1407)</b>		
2.3.1. Bối cảnh lịch sử		
2.3.2. Mỹ thuật thời nhà Trần (1226 – 1400)		
2.3.3. Mỹ thuật thời nhà Hồ (1400 – 1407)		
<b>2.4. Mỹ thuật thời Lê sơ (1427 – 1525)</b>		
2.4.1. Bối cảnh lịch sử		
2.4.2. Kiến trúc, điêu khắc, trang trí		
<b>2.5. Mỹ thuật thời Mạc (1527 – 1592)</b>		
2.5.1. Bối cảnh lịch sử		
2.5.2. Kiến trúc, điêu khắc, trang trí		
<b>2.6. Mỹ thuật thời Lê – Trịnh thế kỷ XVII</b>		
2.6.1. Bối cảnh lịch sử		
2.6.2. Kiến trúc, điêu khắc, trang trí		
<b>2.7. Mỹ thuật nhà Tây Sơn (1788 – 1802)</b>		
2.7.1. Bối cảnh lịch sử		
2.7.2. Kiến trúc, điêu khắc, trang trí		
<b>2.8. Mỹ thuật nhà Nguyễn (1802 – 1945)</b>		
2.8.1. Bối cảnh lịch sử		

2.8.2. Kiến trúc, điêu khắc, trang trí		
<b>2.9. Thảo luận</b> Mỹ thuật Lý - Trần	2	Thuyết trình theo nhóm
<b>Chương 3: Mỹ thuật thời Pháp thuộc</b>		
<b>3.1. Những nét khái quát chung</b>		
3.1.1. Bối cảnh lịch sử		
3.1.2. Kiến trúc, điêu khắc, trang trí		
<b>3.2. Sự ra đời của các trường Mỹ thuật, Mỹ nghệ ở Việt Nam</b>	4	Thuyết trình, phân tích. Sử dụng hình ảnh minh họa.
3.2.1. Sự ra đời của các trường Mỹ thuật, Mỹ nghệ thời Pháp thuộc		
3.2.2. Những ảnh hưởng tích cực của mỹ thuật phương Tây vào Việt Nam		
<b>Chương 4: Mỹ thuật Dân gian Việt Nam</b>		
<b>4.1. Khái niệm về Mỹ thuật Dân gian</b>		
4.1.1. Giá trị thực dụng		
4.1.2. Các hình thức thể hiện		
<b>4.2. Các loại hình Mỹ thuật Dân gian</b>	4	
4.2.1. Kiến trúc dân gian		
4.2.2. Điêu khắc dân gian		
4.2.3. Đồ họa và Hội họa dân gian		
<b>Chương 5: Mỹ thuật Việt Nam hiện đại</b>		
<b>5.1. Khái niệm về thuật ngữ hiện đại</b>		
5.1.1. Giai đoạn tiếp thu các kiến thức mới từ mỹ thuật Phương Tây		
5.1.2. Sự xuất hiện chất liệu Sơn mài và Lụa		
<b>5.2. Những giai đoạn phát triển chính</b>		
5.2.1. Giai đoạn 1945 - 1954. Tác giả và tác phẩm tiêu biểu	5	Thuyết trình, phân tích. Sử dụng hình ảnh minh họa.
5.2.2. Giai đoạn 1954 – 1975. Tác giả và tác phẩm tiêu biểu		
5.2.3. Giai đoạn 1975 – 1985. Tác giả và tác phẩm tiêu biểu		
5.2.4. Giai đoạn sau đổi mới và hội nhập		
5.2.5. Học tập ngoại khóa	3	- Tham quan Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
<b>5.3. Thảo luận</b> Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu	2	Thuyết trình theo nhóm
<b>Tổng kết - Ôn tập</b>	2	Đánh giá Kiểm tra học phần

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Phạm Thị Chinh (2004), *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Nguyễn Quân (2010), *Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 20*, NXB Tri thức, Hà Nội.
3. Chu Quang Trứ, Phạm Thị Chính, Nguyễn Thái Lai (1998), *Lược sử Mỹ thuật và Mỹ thuật học*, NXB Đại học Giáo dục, Hà Nội.

#### 6.2. Tài liệu khác

4. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1998), *Mỹ thuật của người Việt*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Nguyễn Tất Mão

**HỌC PHẦN**  
**LỊCH SỬ MỸ THUẬT THẾ GIỚI****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Lịch sử Mỹ thuật Thế giới
- Mã học phần: 817021
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (26; 0; 4; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật****3. Mô tả học phần**

Lịch sử mỹ thuật Thế giới là môn học cung cấp những kiến thức tổng quát về các giai đoạn lịch sử của mỹ thuật Thế giới. Giới thiệu các thời kỳ, các phong trào trường phái hội họa, các tác phẩm, các danh họa trên thế giới một cách khoa học. Cung cấp những cơ sở lý luận giúp người học có thể tiếp cận hội họa thế giới và các tác phẩm mỹ thuật trên thế giới thuận lợi hơn, đồng thời cũng kết hợp đào luyện thụ cảm về nghệ thuật tạo hình thế giới.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- SV hiểu được một cách khái quát lịch sử mỹ thuật thế giới từ thời Cổ đại đến nay qua các phân kỳ lịch sử.
- SV hiểu và nắm bắt những giá trị chính của mỹ thuật tạo hình trong một số nền mỹ thuật tiêu biểu trên thế giới.
- SV hiểu được các giai đoạn hình thành, phát triển và hội nhập cơ bản của mỹ thuật Việt Nam.

**4.2. Về kỹ năng**

- SV có khả năng phân biệt về hình thức các loại hình, loại thể, chủ đề trong các tác phẩm mỹ thuật.

- SV có kỹ năng vận dụng những kiến thức đã tiếp thu vào việc tìm tòi, học hỏi và nghiên cứu, soạn thảo giáo trình, giáo án phục vụ cho công tác giảng dạy.

- SV có khả năng phân tích nghệ thuật một tác phẩm hội họa.

#### 4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc, yêu quý và tôn trọng giá trị của các tác phẩm mỹ thuật tạo hình thuộc những nền văn hóa tiêu biểu trên thế giới.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá		
<b>Chương 1: Mỹ thuật thế giới thời Nguyên thủy.</b>	2	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV		
<b>1.2. Khái niệm về mỹ thuật Nguyên thủy</b>				
1.1.1. Các giai đoạn phân kỳ chính				
1.1.2. Mỹ thuật thời kỳ Đồ đá				
1.1.3. Mỹ thuật thời Kim khí				
<b>1.2. Những giá trị đại diện đặc trưng</b>				
1.2.1. Mỹ thuật Nguyên thủy ở Pháp				
1.2.2. Mỹ thuật Nguyên thủy Tây Ban Nha	8	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh.		
<b>Chương 2: Mỹ thuật thế giới thời Cổ đại – Trung đại.</b>				
<b>2.1. Mỹ thuật thế giới Cổ đại</b>				
2.1.1. Mỹ thuật Ai Cập Cổ đại				
2.1.2. Mỹ thuật Hy Lạp Cổ đại				
2.1.3. Mỹ thuật La Mã Cổ đại				
<b>2.2. Mỹ thuật thế giới thời Trung cổ</b>				
2.2.1. Mỹ thuật Byzantine				
2.2.2. Mỹ thuật Roman				
2.2.3. Mỹ thuật Gothic				
<b>Chương 3: Mỹ thuật thời Phục hưng</b>			6	
<b>3.1. Đặc điểm chung</b>				
3.1.1. Bối cảnh xã hội				
3.1.2. Đặc điểm nghệ thuật				
<b>3.2. Những nền mỹ thuật Phục hưng chính</b>				
3.2.1. Mỹ thuật Phục hưng Ý				
3.2.2. Mỹ thuật Phục hưng Pháp				
3.2.3. Một số nền Phục hưng khác				
<b>3.3. Thảo luận</b> Mỹ thuật Phục hưng Ý	2	Thuyết trình theo nhóm		
<b>Chương 4: Mỹ thuật Châu Âu thế kỷ XVII đến Thế kỷ XX</b>	8	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh.		
<b>4.1. Khái quát</b>				
4.1.1. Bối cảnh lịch sử				
4.1.2. Quan điểm đổi mới nghệ thuật				
<b>4.2. Xu hướng Nghệ thuật</b>				
4.2.1. Trường phái Ấn tượng (Impressionnisme)				
4.2.2. Trường phái Tân Ấn tượng (Impressionnisme)				

4.2.3. Trường phái Hậu Ấn tượng (Post - Impressionnisme)		
<b>4.3. Mỹ thuật Thế kỷ XX</b>		
4.3.1. Trường phái Dã Thú ( Fauvisme)		
4.3.2. Trường phái Biểu hiện (Expressionisme)		
4.3.3. Trường phái Lập thể (Cubisme)		
4.3.4. Trường phái Siêu thực (Surrealisme)		
4.3.5. Trường phái Trừu tượng (Abstractionnisme)		
4.3.6. Hội họa Tối giản (Minimalisme)		
4.3.7. Nghệ thuật Đại chúng (Pop Art)		
4.3.8. Các tác giả, tác phẩm nổi tiếng.		
<b>4.4. Thảo luận</b> Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu	2	Thuyết trình theo nhóm
<b>Tổng kết – Ôn tập</b>	2	Đánh giá Kiểm tra học phần

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Phạm Thị Chinh (2004), *Lịch sử Mỹ thuật Thế giới*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Sister Wendy Beckett - Khai. K.Phạm dịch (2005), *Câu chuyện nghệ thuật hội họa từ tiền sử tới hiện đại*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. P.Fride - R.Carrasat - I.Marcadé, Lê Thanh Lộc dịch (1998), *Các phong trào hội họa*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh

ThS. Nguyễn Tất Mão

ThS. Nguyễn Tất Mão

**HỌC PHẦN  
LUẬT XA GẦN**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Luật xa gần
- Mã học phần: 817022
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Luật xa gần nghiên cứu định luật xa gần để vận dụng vào các môn hình họa, sáng tác. Môn học cung cấp phương pháp vẽ phối cảnh giúp người học có thể vẽ, ghi chép và tạo ra không gian ba chiều trên mặt phẳng.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- SV có những kiến thức cơ bản về luật phối cảnh và phương pháp biểu hiện không gian trên mặt phẳng.
- SV có những hiểu biết về hình khối của sự vật trong không gian, các nguyên lý về ánh sáng. Kỹ thuật xử lý đậm nhạt xa, gần....

4.2. Về kỹ năng

- SV thông qua kiến thức đã học, sẽ có kỹ năng nhìn chính xác về không gian ba chiều
- SV có khả năng thể hiện các vật thể theo cấu trúc không gian ba chiều trên mặt phẳng

4.3. Về thái độ

- SV có thái độ nghiêm túc, chuyên tâm khi làm việc.
- SV có sự say mê, hứng thú và có óc tưởng tượng về không gian.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Lý thuyết tổng quát</b>	2	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>1.1. Khái quát và lịch sử về luật xa gần</b>		
<b>1.2. Mục đích, yêu cầu, giới hạn môn học</b>		
<b>1.3. Đặc điểm tâm sinh lí thị giác</b>		
1.3.1. Hình ảnh – khoảng cách		
1.3.2. Ảo giác – thói quen thị giác	5	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh.
<b>Chương 2: Biểu hiện không gian trên mặt phẳng</b>		
<b>2.1. Các phép chiếu</b>		
2.1.1. Phép chiếu song song		
2.1.2. Phép chiếu xuyên tâm		
2.1.3. Phép chiếu vuông góc		
<b>2.2. Phối cảnh đường nét</b>		
2.2.1. Điểm nhìn		
2.2.2. Mặt tranh		
2.2.3. Đường chân trời		
2.2.4. Điểm tụ		
2.2.5. Cách điểm		
2.2.6. Phương pháp vẽ phối cảnh hình vuông		
2.2.7. Phương pháp vẽ phối cảnh hình tròn		
<b>2.3. Thực hành</b> Vẽ phối cảnh khối trụ theo sơ đồ hình chiếu.	10	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
<b>2.4. Vẽ bóng</b>	4	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh.
2.4.1. Bóng ánh sáng mặt trời		
2.4.2. Bóng ánh sáng nhân tạo		
2.4.3. Bóng nước - bóng gương	10	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
<b>2.5. Thực hành</b> Vẽ phối cảnh khối chóp và bóng đổ dưới ánh sáng trời		
<b>Chương 3: Vận dụng luật xa gần trong ký họa</b>	4	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh.
<b>3.1. Vẽ vật thể kiến trúc</b>		
<b>3.2. Ký họa phong cảnh</b>		
<b>3.3. Thực hành</b> Vận dụng luật xa gần ký họa phong cảnh thực tế	10	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Trần Tiểu Lâm, Đặng Xuân Cường (1998), *Luật xa gần và Giải phẫu tạo hình*, NXB Văn hóa, Hà Nội.



2. Triệu Khắc Lễ (2000), *Hình họa và Điều khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Phạm Công Thành (1012), *Luật xa gần*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.  
6.2. Tài liệu khác
4. Trần Tiến Lâm, Đặng Xuân Cương (1998), *Luật xa gần và giải phẫu tạo hình*, NXB Giáo Dục, 1998.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Nguyễn Tất Mão

**HỌC PHẦN  
NGHIÊN CỨU MỸ THUẬT CỔ VIỆT NAM****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Nghiên cứu Mỹ thuật cổ Việt Nam
- Mã học phần: 817023
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật****3. Mô tả học phần**

Nghiên cứu Mỹ thuật cổ Việt Nam là môn học nghiên cứu cái đẹp của họa tiết, hoa văn cổ, bước đầu làm quen với cách quan sát, ghi chép hình mẫu thật ở không gian ba chiều vào mặt phẳng, thể hiện kỹ năng thực hành từ các bài tập chép hoa văn, họa tiết cổ Việt Nam. Qua môn học này, sinh viên biết yêu quý và trân trọng những giá trị lịch sử mỹ thuật dân tộc.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- SV hiểu biết kiến thức Mỹ thuật dân tộc qua các thời kỳ.
- SV biết phân định những giá trị đặc thù của nghệ thuật tạo hình Việt Nam qua các phân kỳ lịch sử.
- SV hiểu được kiến thức cơ bản về hình mảng, nhịp điệu, bố cục trong các đồ án trang trí.

**4.2. Về kỹ năng**

- SV biết chép, vẽ nghiên cứu các họa tiết cổ đẹp, chính xác.
- SV có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào việc nghiên cứu mỹ thuật Việt Nam và trong thường thức mỹ thuật.

- SV có kỹ năng vận dụng những kiến thức đã tiếp thu vào việc tìm tòi, học hỏi và nghiên cứu, soạn thảo giáo trình, giáo án phục vụ cho công tác giảng dạy.

#### 4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc, biết yêu quý và trân trọng những giá trị lịch sử mỹ thuật dân tộc và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Hoa văn cổ các thời kỳ</b>	10	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>3.1 Hoa văn thời Hùng Vương</b>		
3.1.1 Hoa văn dân tộc		
3.1.2. Trống đồng Đông Sơn		
<b>3.2. Hoa văn thời Lý</b>		
3.2.1. Tượng tròn thời Lý		
3.2.2. Chạm khắc và gốm thời Lý		
<b>3.3. Hoa văn thời Trần</b>		
3.3.1. Tượng tròn thời Trần		
3.3.2. Chạm khắc và gốm thời Trần		
<b>3.4. Hoa văn thời Lê</b>		
3.4.1. Tượng tròn thời Lê		
3.4.2. Chạm khắc và gốm thời Lê		
<b>3.5. Hoa văn thời Nguyễn</b>		
3.5.1. Tượng tròn thời Nguyễn		
3.5.2. Chạm khắc và gốm thời Nguyễn		
<b>3.6. Hoa văn các dân tộc</b>	5	Thuyết trình, phân tích. Minh họa hình ảnh
3.6.1. Hoa văn các dân tộc miền núi		
3.6.2. Hoa văn các dân tộc đồng bằng		
<b>Chương 2: Đặc điểm mỹ thuật của hoa văn, họa tiết cổ</b>		
<b>2.1. Nội dung</b>		
2.1.1. Phục vụ cho giai cấp thống trị		
2.1.2. Phục vụ đời sống tinh thần, tín ngưỡng		
<b>2.2. Cách thức bố cục, mô típ hình thức tạo hình</b>		
2.2.1. Sắp xếp theo hàng lối		
2.2.2. Sắp xếp đối xứng		
2.2.3. Sắp xếp theo nhịp điệu		
<b>Chương 3. Thực hành nghiên cứu vốn cổ</b>	25	Đi thực địa tại Bảo tàng lịch sử Việt Nam, TP.HCM.
<b>3.1. Chủ đề nghiên cứu</b>		
3.1.1. Niên đại – Lịch sử		

3.2.2. Nội dung đề tài - Hình thức bố cục		Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
3.3.3. Cách thức tạo hình		
<b>3.2. Các bước ghi chép tư liệu</b>		
3.2.1. Quan sát vật mẫu		
3.2.2. Dùng nét kỹ hà phác chu vi vật mẫu		
3.2.3. Phác nét chính hình thức bố cục và nhịp điệu chính của hoa văn		
3.2.4. Phác nét, hình chi tiết đúng tỷ lệ các phần của họa tiết		
3.2.5. Chỉnh hình và hoàn chỉnh hình	5	Đánh giá Kiểm tra học phần
3.2.6. Vẽ đậm nhạt gợi khối		
<b>3.3. Thực hành</b>		
Ghi chép họa tiết cổ đình làng		
Ghi chép họa tiết rồng		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Phạm Thị Chinh (2004), *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Triệu Khắc Lễ (2001), *Hình họa và điêu khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Chu Quang Trứ, Phạm Thị Chinh, Nguyễn Thái Lai (1998), *Lược sử Mỹ thuật và Mỹ thuật học*, NXB Đại học Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

4. Nguyễn Văn Ty (1998), *Bước đầu học vẽ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Nguyễn Tất Mão

**HỌC PHẦN  
GIẢI PHẪU TẠO HÌNH****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Giải phẫu tạo hình
- Mã học phần: 817025
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật****3. Mô tả học phần**

Giải phẫu tạo hình là môn học cơ bản của nghệ thuật tạo hình, có tính khoa học cao; chuyên nghiên cứu về tỷ lệ, cấu trúc và hình thái của các khung xương, các hệ cơ trên cơ thể người. Kiến thức Giải phẫu tạo hình có tác dụng tích cực trong học tập môn Hình họa và Sáng tác.

**4. Mục tiêu học phần**

- 4.1. Về kiến thức
  - SV hiểu rõ về cấu trúc cơ thể người ở hệ xương, hệ cơ..
  - SV biết quan sát - nhận xét các đặc trưng, đặc điểm của các đối tượng, nhân vật trong cuộc sống.
  - SV vận dụng kiến thức giải phẫu vào các bộ môn tạo hình khác.
- 4.2. Về kỹ năng
  - SV biết chép, vẽ hệ thống xương cơ chính xác.
  - SV biết phân tích hình, khối, dựa trên cơ sở giải phẫu tạo hình.
  - SV có khả năng vận dụng tỷ lệ giải phẫu và hệ cơ vào các bài vẽ hình họa, nhất là các bài vẽ nghiên cứu sâu.
- 4.3. Về thái độ
  - SV có thái độ học tập nghiêm túc, luôn ý thức việc tự nghiên cứu kỹ giải phẫu tạo hình.
  - SV yêu thích vẻ đẹp tạo hình của cơ thể người.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Những kiến thức chung</b>	2	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>1.1 Mục tiêu</b>		
1.1.1 Khái niệm về Giải phẫu tạo hình		
1.1.2. Giải phẫu tạo hình- môn học khoa học		
1.1.3. Nguồn gốc của giải phẫu người		
<b>1.2. Vai trò của Giải phẫu tạo hình</b>		
1.2.1. Các ngành khoa học khác		
1.2.2. Giải phẫu tạo hình trong hội họa		
<b>Chương 2: Tỷ lệ và cấu trúc đầu người</b>	5	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
<b>2.1. Cấu trúc hộp sọ</b>		
2.1.1. Xương đầu		
2.1.2. Xương mặt		
<b>2.2. Phương pháp vẽ hộp sọ</b>		
2.2.1. Vẽ hộp sọ nhìn chính diện		
2.2.2. Vẽ hộp sọ nhìn nghiêng		
<b>2.3. Cấu trúc các cơ ở sọ và mặt</b>		
2.3.1. Cơ sọ		
2.3.2. Cơ mặt		
<b>2.4. Cấu trúc, tỷ lệ, hình thái của mắt, mũi, miệng và tai</b>		
2.4.1 Cấu trúc, tỷ lệ khuôn mặt người		
2.4.2. Người trưởng thành		
2.4.3. Mặt trẻ em		
<b>2.5. Thực hành</b>	5	
Vẽ cấu trúc hộp sọ		
<b>Chương 3: Tỷ lệ và cấu trúc xương cơ trên cơ thể người</b>	8	
<b>3.1. Khái quát chung về cấu tạo bộ xương người</b>		
3.1.1. Xương đầu		
3.1.2. Xương thân		
3.1.3 Xương chi trên		
3.1.4. Xương bàn tay		
3.1.5. Xương chi dưới		
3.1.6. Xương bàn chân		
<b>3.2. Cấu tạo xương thân</b>		
3.2.1. Xương cột sống		

3.2.2. Xương sườn		
3.2.3. Xương đòn và xương bả vai		
3.2.4. Xương chậu		
<b>3.3. Thực hành</b>		
Vẽ cấu tạo xương thân		
<b>4. Khái quát chung về hệ cơ toàn thân</b>		
<b>4.1. Cơ đầu</b>		
<b>4.2. Cơ vùng mặt</b>		
<b>4.3. Cơ vùng cổ</b>		
<b>5. Cơ thân</b>		
<b>5.1 Cơ thân trước</b>		
<b>5.2. Cơ thân sau</b>		
<b>5.3. Cơ bên thân</b>	10	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
<b>6. Cơ chi trên</b>		
<b>6.1. Cơ chi trên nhìn trước</b>		
<b>6.2. Cơ chi trên nhìn sau</b>		
<b>6.3. Cơ chi trên nhìn nghiêng</b>		
<b>7. Cơ chi dưới</b>		
<b>7.1. Cơ chi dưới nhìn trước</b>		
<b>7.2. Cơ chi dưới nhìn sau</b>		
<b>7.3. Cơ chi dưới nhìn nghiêng</b>		
<b>8. Cơ toàn thân (nhìn trước, sau và nghiêng)</b>		
<b>9. Thực hành</b>	15	
Vẽ hệ cơ toàn thân		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Đình Tiến Hiếu (2004), *Giải phẫu tạo hình*, NXB Đại Học Sư phạm, Hà Nội.
- Lương Xuân Nhị (1986), *Giải phẫu tạo hình*, NXB Văn Hóa, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- Trần Tiến Lâm, Đặng Xuân Cương (1998), *Luật xa gần và giải phẫu tạo hình*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 120 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;



- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Nguyễn Tất Mão

**HỌC PHẦN**  
**NGUYỄN LÝ THỊ GIÁC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Nguyễn lý thị giác
- Mã học phần: 817026
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15;0;0;30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Luật xa gần (817022)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Nguyễn lý thị giác cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thị giác, các tín hiệu thị giác, các nguyên lý sáng tạo, các nguyên tắc và thủ pháp bố cục cơ bản cần thiết cho quá trình sáng tạo tác phẩm nghệ thuật thị giác.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Sinh viên hiểu các kiến thức chung về nguyên lý thị giác trong mỹ thuật tạo hình và những yếu tố tạo hình cơ bản;
- Sinh viên phân tích và đánh giá sự ảnh hưởng của các quy tắc thị giác, của việc vận dụng các yếu tố tạo hình đến tính thẩm mỹ của tác phẩm mỹ thuật.

**4.2. Về kỹ năng**

- Sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản trong kinh nghiệm thị giác vào việc hình thành ý tưởng và sáng tạo ra tác phẩm mỹ thuật tạo hình;
- Sinh viên vận dụng được các yếu tố tạo hình cơ bản vào thực hiện tác phẩm mỹ thuật phù hợp với yêu cầu thẩm mỹ.

**4.3. Về thái độ**

- Hình thành thái độ làm việc khoa học nghiêm túc, nhất là trong sáng tác tác phẩm nghệ thuật, tôn trọng hoạt động sáng tạo của những người xung quanh;
- Biết trân trọng các tác phẩm nghệ thuật.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Khái niệm chung về nguyên lý thị giác</b>	2	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh), thảo luận
<b>1.1. Đặc điểm hoạt động của thị giác</b>		
1.1.1. Khái niệm thị giác		
1.1.2. Phạm vi nhìn rõ và góc nhìn		
<b>1.2. Sự tác động của hình ảnh đến thị giác</b>		
1.2.1. Thói quen thị giác		
1.2.2. Trật tự thị giác		
1.2.3. Chuyển động thị giác		
<b>Chương 2: Các tín hiệu thị giác</b>	4	
<b>2.1. Điểm</b>		
2.1.1. Vai trò của điểm trong nghệ thuật thị giác		
2.1.2. Nghệ thuật vẽ điểm chấm		
<b>2.2. Đường nét</b>		
2.2.1. Đặc tính vật lý của đường nét		
2.2.2. Tính biểu cảm của đường nét		
<b>2.3. Hình dạng</b>		
2.3.1. Những chiều kích của hình dạng		
2.3.2. Các nguyên tắc sắp xếp hình dạng trong nghệ thuật thị giác		
2.3.3. Hình dạng và nội dung		
<b>2.4. Sắc độ</b>		
2.4.1. Chức năng kết cấu của sắc độ		
2.4.2. Tính mô tả của sắc độ		
2.4.3. Tính biểu hiện của sắc độ		
<b>Chương 3: Bố cục trong nghệ thuật thị giác</b>	4	
<b>3.1. Khái niệm</b>		
3.1.1. Khái niệm bố cục		
3.1.2. Cấu trúc bố cục theo trật tự thị giác.		
<b>3.2. Một số dạng bố cục cơ bản</b>		
3.2.1. Bố cục hình học cơ bản		
3.2.2. Bố cục cân bằng tự do		
<b>Chương 4: Ứng dụng nguyên lý thị giác trong xây dựng bố cục</b>	5	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh), thực hành
<b>4.1. Bố cục đen trắng</b>		
4.1.1. Phác thảo		
4.1.2. Thể hiện tác phẩm		
<b>4.2. Bố cục màu</b>		
4.2.1. Phác thảo		
4.2.2. Thể hiện tác phẩm		

<b>4.3 Thực hành</b>		
4.3.1 Thực hành bố cục cân bằng tự do (đen, trắng)	15	Thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan
4.3.2 Thực hành bố cục cân bằng tự do (màu nước, bột màu)	15	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Vương Hoàng Lục (1998), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Ocvirk - Stinson - Wigg - Bone - Cayton - Lê Thành dịch (2006), *Những nền tảng của mỹ thuật - Lý thuyết và thực hành*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
3. 6.2. Tài liệu khác
4. Laurie Schneider Adams - Trần Văn Huân dịch (2006), *Khám phá thế giới mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
5. Nguyễn Phúc (2006), *Xem, hiểu và thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật tạo hình*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP.HCM.
6. Nguyễn Quân (2005), *Ngôn ngữ của hình và màu sắc*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 120 phút
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN  
NGHIÊN CỨU CHẤT LIỆU****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Nghiên cứu chất liệu
- Mã học phần: 817027
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật****3. Mô tả học phần**

Nghiên cứu chất liệu là môn học nghiên cứu về những quy luật cơ bản và hiệu quả thẩm mỹ mà chất liệu sáng tác đem lại cho một tác phẩm, về sự hình thành tư duy tạo hình, bước đầu làm quen với các khái niệm, quy trình sáng tác thông qua kỹ năng thực hành từ các bài tập sáng tác cơ bản.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- SV hiểu rõ nguyên lý và bản chất các chất liệu được áp dụng trong sáng tác mỹ thuật tạo hình.
- SV hiểu được các phương pháp sáng tác tranh.
- SV biết lập kế hoạch và triển khai ý tưởng trong sáng tác tranh theo yêu cầu về chất liệu.

**4.2. Về kỹ năng**

- SV có kỹ năng vận dụng những nền tảng cơ bản trong kinh nghiệm xử lý chất liệu vào việc hình thành ý tưởng và tự sáng tác một bức tranh theo chủ đề.
- SV có kỹ năng vận dụng những quy luật về bố cục áp dụng vào việc tự sáng tác một bức tranh theo chủ đề được yêu cầu.
- SV có kỹ năng xử lý chất liệu trong sáng tác.

**4.3. Về thái độ**

- SV có thái độ nghiêm túc, chuyên tâm khi làm việc.
- SV có sự say mê, hứng thú và có óc tưởng tượng về không gian.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Khái quát về chất liệu trong sáng tác mỹ thuật.</b>	3	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>1.3. Chất liệu nền</b>		
1.1.1. Thời kỳ Cổ đại		
1.1.2. Thời kỳ Trung đại		
1.1.3. Thời kỳ Phục hưng, Hiện đại, Đương đại		
<b>1.2. Chất liệu bề mặt của tác phẩm</b>		
1.2.1. Chất liệu có nguồn gốc thiên nhiên		
1.2.2. Chất liệu là sản phẩm công nghiệp		
<b>Chương 2: Nghệ thuật Hội họa và các chất liệu có tính phổ biến cao.</b>	6	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
<b>2.1. Chất liệu màu bột, màu nước</b>		
2.1.1. Chất liệu màu bột (Pigment)		
2.1.2. Chất liệu màu nước (Water colour)		
<b>2.2. Chất liệu sơn dầu, Acrylic</b>		
2.2.1. Chất liệu sơn dầu (Oil colour)		
2.2.2. Chất liệu Acrylic		
<b>2.3. Chất liệu sơn mài (Lacquer)</b>		
2.3.1. Nguồn gốc và lịch sử tên gọi		
2.3.2. Nét độc đáo của chất liệu		
<b>2.4. Chất liệu lụa (Silk painting)</b>		
2.4.1. Nguồn gốc và lịch sử tên gọi		
2.4.2. Nét độc đáo của chất liệu		
<b>Chương 3: Tranh lụa và quy trình sáng tác</b>	3	
<b>2.1 Tranh lụa Việt Nam</b>		
2.1.1. Khái quát lịch sử		
2.1.2. Sự sáng tạo trong tranh lụa Việt Nam		
<b>2.2. Quy trình sáng tác tranh lụa</b>		
2.2.1. Làm phác thảo tranh		
2.2.1.1. Phác thảo tìm bố cục trên giấy ...		
2.2.1.2. Vẽ phác độ đậm nhạt		
2.2.2. Phóng hình		
2.2.2.1. Căng lụa vào khung		
2.2.2.2. Phóng hình đúng tỷ lệ		

2.2.2.2. Chính hình - Vẽ chi tiết		
2.2.3. Vẽ màu		
2.2.3.1. Rửa lụa nhiều lần		
2.2.3.1. Tinh chỉnh hòa sắc		
2.2.3.3. Sáng tối và nhịp điệu		
<b>2.3. Thực hành</b>	15	
Tranh tĩnh vật chất liệu lụa		
<b>Chương 4: Nghệ thuật Đồ họa và quy trình sáng tác tranh chất liệu khắc gỗ.</b>		
<b>4.1. Ngôn ngữ của tranh đồ họa</b>		
4.1.1. Hiệu ứng tạo hình của chấm và nét trong tranh đồ họa		
4.1.2. Tranh đồ họa Đen – Trắng và tranh đồ họa có màu		
<b>4.2. Khái niệm Âm bản – Dương bản</b>		
4.2.1. Âm bản tranh và chất liệu		
4.2.2. Dương bản tranh và chất liệu		
<b>4.3. Quy trình sáng tác tranh chất liệu khắc gỗ.</b>		
4.3.1. Làm phác thảo tranh		
4.3.1.1. Vẽ phác thảo trên giấy theo đúng tỷ lệ		
4.3.1.2. Phóng lớn theo kích thước bản gỗ		
4.3.1.3. Can ngược hình lên bản gỗ		
4.3.2. Thực hiện khắc tranh		
4.3.2.1 Xử lý các dụng cụ chuyên dùng		
4.3.2.2. Tiến hành quá trình khắc Âm bản		
4.3.3. Thực hiện in tranh		
4.3.3.1. Chuẩn bị ấn phẩm, bàn in, mực in		
4.3.3.2. Pha chế và ủ mực in		
4.3.3.3. Dùng con lăn dàn mực và in Dương bản		
4.3.3.4. Phơi khô thành phẩm		
4.3.3.5. Chọn bản in đẹp và lồng khung		
<b>4.4. Thực hành</b>	15	
Tranh phong cảnh chất liệu khắc gỗ		Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trần Duy, *Cẩm luận nghệ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2002.
2. Vương Hoàng Lục (1998), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

3. Nguyễn Trân (1995), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

4. Nguyễn Quân (1998), *Con mắt nhìn cái đẹp*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0.;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Nguyễn Tất Mão



**HỌC PHẦN  
ĐIỀU KHẮC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Điều khắc
- Mã học phần: 817115
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Điều khắc giúp cho sinh viên hiểu được hình khối trong không gian nghệ thuật dưới tác động của ánh sáng, thông qua các bài thực hành khơi gợi lòng yêu nghề và biết tôn trọng những giá trị văn hóa dân tộc.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- SV hiểu biết khái quát về điều khắc Việt Nam
- SV hiểu rõ tính chất khối tượng tròn trong không gian.
- SV hiểu được hình khối chạm nổi trong hình khối không gian giới hạn.
- SV hiểu được khối âm và khối dương.

4.2. Về kỹ năng

- SV có kỹ năng vận dụng hình khối cao thấp của nhịp điệu trong chạm nổi để diễn tả không gian ảo.
- SV có kỹ năng tạo hình trên không gian sắp đặt.

4.3. Về thái độ

- SV có sự yêu thích các thể loại nghệ thuật tạo hình nói chung và điều khắc nói riêng.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Khái quát về sự phát triển điêu khắc Việt Nam</b> <b>1.1. Điêu khắc thời Lý</b> 1.1.1. Điêu khắc tượng tròn 1.1.2. Điêu khắc chạm nổi <b>1.2. Điêu khắc thời Trần.</b> 1.2.1. Điêu khắc tượng tròn 1.2.2. Điêu khắc chạm nổi <b>1.3. Điêu khắc Chăm</b> 1.3.1. Điêu khắc tượng tròn 1.3.2. Điêu khắc chạm nổi <b>1.4. Điêu khắc Đình Làng</b> 1.4.1. Điêu khắc tượng tròn 1.4.2. Điêu khắc chạm lộng	10	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>Chương 2: Tượng tròn, chép tượng vật mẫu</b> <b>2.1. Chuẩn bị đất đúng độ dẻo cần thiết</b> <b>2.2. Làm cốt tượng</b> <b>2.3. Lấy tỷ lệ ốp đất vào cốt</b> <b>2.4. Tạo khối lớn theo tỷ lệ mẫu</b> <b>2.5. Dựng trục tạo mảng lớn đối xứng</b> <b>2.6. Tìm hình và khối từng chi tiết đặt điểm mẫu</b> <b>2.7. Tạo khối căng để hoàn thiện</b>	10	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
<b>2.8. Thực hành</b>  Chép tượng vật mẫu nam thanh niên	15	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan. Kiểm tra đánh giá
<b>Chương 3: Chạm nổi Trang trí hình vuông</b> <b>3.1 Chuẩn bị đất lên kích thước bằng đất</b> <b>3.2. Vẽ phác thảo tìm hình phân lớp chính phụ</b> <b>3.3. Phóng phác thảo qua bằng đất</b> <b>3.4. Tách hình hạ đất sét những thành phụ lớp thấp nhất</b> <b>3.5. Chỉnh hình và khối đúng với phác thảo</b> <b>3.6. Tìm độ đậm nhạt trên chạm nổi trang trí hình vuông</b> <b>3.7. Hoàn chỉnh bài</b>	10	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan

<b>3.8. Thực hành</b>		
Chạm nổi trang trí hình vuông họa tiết hoa lá, côn trung. Kích thước: 25cm x 25cm	15	Kiểm tra đánh giá

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Triệu Khắc Lễ (2000), *Hình họa và điêu khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. PGS Nguyễn Phước Sanh (1985), *Bài giảng điêu khắc sơ trung*, trường Đại học Mỹ Thuật TP. HCM.
3. Lê Thược (1995), *Ngôn ngữ điêu khắc qua những công trình nội thất và tượng đài*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

4. Phạm Thị Chinh (2004), *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN**  
**TIN HỌC ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH MỸ THUẬT 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ thuật 1
- Mã học phần: 817301
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ Thuật 1 là môn học góp phần tạo nên sự đa dạng phong phú của nghệ thuật với khoa học công nghệ. Giúp cho sinh viên biết vận dụng sự sáng tạo của mình trên các phần mềm đồ họa.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- SV hiểu rõ thuộc tính chính của các phần mềm đồ họa.
- SV biết được vai quan trọng của đồ họa máy tính với cuộc sống.
- SV nắm rõ các nguyên tắc hoạt động và hiệu ứng của phần mềm đồ họa.

4.2. Về kỹ năng

- SV có kỹ năng thiết kế sáng tạo các tác phẩm Mỹ thuật ứng dụng trên máy tính.
- SV vận dụng được các hiệu ứng của các phần mềm đồ họa vào trong thực tiễn.
- SV có kỹ năng thiết kế, sáng tạo đồ họa ứng dụng vào những bài học cụ thể như vẽ trên máy, thiết kế logo, bìa sách, poster...

4.3. Về thái độ

- SV nghiêm túc trong sáng tạo nghệ thuật.
- SV biết trân trọng những tác phẩm đồ họa máy tính

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1.Chương 1: Khái quát về đồ họa máy tính</b>	5	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích.
<b>1.1. Khái niệm về đồ họa</b>		
1.1.1. Đồ họa xưa và nay		
1.1.2. Những khái niệm cơ bản		
<b>1.2. Đồ họa và Mỹ thuật công nghiệp, Mỹ thuật ứng dụng</b>		
1.2.1. Giới thiệu các phần mềm đồ họa cơ bản		
1.2.2. Sự phát triển của phần mềm đồ họa.	10	Trình chiếu GV diễn giảng, phân tích
<b>Chương 2: Khái quát về phần mềm CorelDraw</b>		
<b>2.1. Tổng quan về CorelDraw</b>		
2.1.1. Làm quen với giao diện		
2.1.2. Khởi động, một số thao tác kỹ năng cơ bản ban đầu		
<b>2.2. Sử dụng hộp công cụ</b>		
2.2.1. Làm việc với các công cụ vẽ		
2.2.2. Hiệu chỉnh hình, phối hợp với công cụ vẽ tạo hình		
2.2.3. Thực hiện thao tác với nhiều đối tượng		
2.2.4. Thực hành vẽ hình với hộp công cụ		
<b>2.3. Làm việc với layer</b>		
2.3.1. Các thao tác trên layer		
2.3.2 Thứ tự các layer		
<b>2.4. Tô màu bằng Palettes</b>		
2.4.1. Bảng màu trong CorelDraw		
2.4.2. Công cụ tô màu và hiệu ứng màu		
2.4.3. Thực hành vẽ logo hình	10	Thực hành máy GV hướng dẫn trực quan
<b>2.5. Làm việc với Text</b>		
2.5.1. Thao tác với chữ Artistic		
2.5.2. Thao tác với chữ Paragraph		
2.5.3. các hiệu ứng với chữ	20	Thực hành máy GV hướng dẫn trực quan
<b>2.6. Thực hành</b>		
Thiết kế một logo với phần mềm đồ họa CorelDraw		
Thiết kế một thiệp mời với phần mềm đồ họa CorelDraw		Đánh giá Kiểm tra học phần

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

3. Trung tâm Tin học trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP.HCM (2008), *Giáo trình CorelDRAW*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM.
4. Hà Thành - Trí Việt (2014), *Tự học CorelDRAW X4*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

#### 6.2. Tài liệu khác

3. Nguyễn Minh Đức (2010), *Tạo các hiệu ứng đặc biệt cho các hình trong CorelDRAW 12*, NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội.

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH MỸ THUẬT**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành Mỹ thuật  
(English for Fine Arts)
- Mã học phần: 817302
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Anh I (866101)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Tiếng Anh không chuyên

**3. Mô tả học phần**

Học phần này giúp sinh viên ôn lại các khái niệm về mỹ thuật. Môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh do đó học viên được tiếp cận trở lại với chuyên ngành của mình qua các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Môn tiếng Anh chuyên ngành Mỹ thuật cung cấp những kiến thức ngoại ngữ cơ bản về chuyên ngành Mỹ thuật, cung cấp một lượng từ vựng, cấu trúc cơ bản, các thuật ngữ Mỹ thuật để sinh viên có thể đọc tham khảo tài liệu, sách báo chuyên ngành để phục vụ công tác chuyên môn.

4.2. Về kỹ năng

Học phần này giúp học viên nâng cao khả năng đọc hiểu và diễn đạt ý tưởng, mô tả các tác phẩm nghệ thuật bằng tiếng Anh.

4.3. Về thái độ

- Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của tiếng Anh trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

- Nhận thức được vai trò của nghệ thuật trong cuộc sống.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Unit 1: Describing Shapes</b>	4	Thuyết giảng và thảo luận
get ready		

reading		
vocabulary		
listening		
speaking		
writing		
<b>Unit 2: Describing Light</b>		
get ready		
reading	4	Thuyết giảng và thảo luận
vocabulary		
listening		
speaking		
writing		
<b>Unit 3: Describing Color</b>		
get ready		
reading	4	Thuyết giảng và thảo luận
vocabulary		
listening		
speaking		
writing		
<b>Unit 4: Describing Placement</b>		
get ready		
reading	4	Thuyết giảng và thảo luận
vocabulary		
listening		
speaking		
writing	2	Kiểm tra giữa kỳ
<b>Unit 5: Describing Style</b>		
get ready		
reading	4	Thuyết giảng và thảo luận
vocabulary		
listening		
speaking		
writing		
<b>Unit 6: Sketches and Drawings</b>		
get ready	4	Thuyết giảng và thảo luận



reading		
vocabulary		
listening		
speaking		
writing		
<b>Unit 7: Fine Arts</b>		
get ready	5	Thuyết giảng và thảo luận
reading		
vocabulary		
listening		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Virginia Evans, Jenny Dooley-Henrietta P. Rogers. (2013) *Art and Design*, Express Publishing.

### 6.2. Tài liệu khác

2. Fichner- Rathus (1998), *Understanding Arts* (5th ed.), Prentice Hall.
3. Milanda Broukal (2002). *TOEFL Reading Flash*, Peterson's.
4. Ocvirk O. G., Stinson R.E., Wigg, P.R., Bone R.O., & Cayton D.L. (1998). *Art Fundamentals: Theory and Practice* (8th ed.). New York: MacGraw Hill.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS.GVC. Trần Ngọc Mai    ThS. Nguyễn Thị Huệ    ThS.GVC. Trần Ngọc Mai

**HỌC PHẦN  
HÌNH HỌA 1****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Hình họa 1
- Mã học phần: 817050
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật****3. Mô tả học phần**

Hình họa 1 là môn học nghiên cứu về những ứng dụng quy luật cơ bản của luật xa gần và sự tương tác của ánh sáng với hình khối các vật thể, phối hợp với bố cục để thể hiện bài vẽ tĩnh vật chất liệu chì. Đồng thời nghiên cứu giải phẫu về tỷ lệ và hình thái chân dung người để thực hiện bài vẽ chân dung đầu tượng, rèn luyện kỹ năng cho các học phần Hình họa tiếp theo.

**4. Mục tiêu học phần**

- 4.1. Về kiến thức
  - SV hiểu rõ luật xa gần
  - SV hiểu được phương pháp vẽ tĩnh vật và tượng chân dung.
  - SV hiểu rõ chiều sâu không gian trong bài hình họa.
  - Nắm vững tỷ lệ, hình thái cấu trúc mặt người.
- 4.2. Về kỹ năng
  - SV có khả năng xử lý chất liệu chì.
  - SV có khả năng thực hiện được bài hình họa tĩnh vật và tượng chân dung chất liệu chì.
  - SV có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào môn Hình họa 2.
- 4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc, có sự say mê, hứng thú khi thể hiện và nghiên cứu hình họa.

- Cảm nhận được hình khối và độ sâu của không gian ba chiều trong hình họa.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1: Vấn đề cơ bản của hình họa (chì)</b></p> <p><b>1.4. Khái niệm hình họa</b></p> <p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Không gian thực</p> <p>1.1.3. Không gian ba chiều trong hình họa</p> <p>1.1.4. Không gian ảo trong hình họa</p> <p><b>1.2. Hệ thống ánh sáng trong hình họa</b></p> <p>1.2.1. Hệ thống sáng tối lớn.</p> <p>1.2.2. Hệ thống sáng tối chi tiết.</p> <p>1.2.3. Tương quan sáng tối của hình khối các vật thể toàn bộ mẫu.</p> <p>1.2.4. Tương quan sáng tối của hình và nền.</p> <p><b>1.3. Luật xa gần trong không gian hình họa</b></p> <p>1.3.1. Vị trí vật thể với đường tầm mắt.</p> <p>1.3.2. Hướng ánh sáng và sắc độ.</p> <p>1.3.3. Bóng đổ.</p>	3	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Giới thiệu tài liệu cho SV
<p><b>Chương 2: Phương pháp vẽ bài hình họa tĩnh vật chì</b></p> <p><b>2.1. Bố cục</b></p> <p>2.1.1. Quan sát – chọn góc nhìn phù hợp</p> <p>2.1.2. Chọn bố cục cân đối</p> <p><b>2.2. Dựng hình và tìm hệ thống sáng tối</b></p> <p>2.2.1. Phác nét kỹ hà để dựng hình các vật thể</p> <p>2.2.2. So sánh tỷ lệ các vật và tìm khối</p> <p>2.2.3. Xác định hướng ánh sáng</p> <p>2.2.4. Xác định hệ thống sáng tối lớn toàn bộ mẫu</p> <p><b>2.3. Lên bóng</b></p> <p>2.3.1. Tương quan sắc độ của các vật thể</p> <p>2.3.1. Sắc độ chi tiết của từng vật mẫu</p> <p>2.3.2. So sánh sắc độ và phản quan để tạo khối</p> <p>2.3.3. Độ nhấn để tạo trọng tâm và không gian cho bài vẽ.</p> <p>2.3.4. Vận dụng kỹ thuật chất liệu để thể hiện chất</p>	5	Sử dụng các PPDH Thuyết trình, phân tích. Sử dụng bài vẽ SV minh họa.

<b>2.4. Thực hành</b>	10	Đánh giá Kiểm tra quá trình
Vẽ tĩnh vật hoa quả (chất liệu chì) có vải nền		
<b>Chương 3: Vẽ chân dung đầu tượng</b>	7	Sử dụng các PPDH Thuyết trình, phân tích. Sử dụng bài vẽ SV minh họa.
<b>2.1. Nội dung</b>		
2.1.1. Khái niệm		
2.1.2. Mục đích- yêu cầu		
2.1.3. Giải phẫu tạo hình môn học hỗ trợ tích cực		
2.1.3.1. Tỷ lệ		
2.1.3.2 Cấu trúc- hình thái của ngũ quan		
<b>2.2. Áp dụng phương pháp vẽ hình họa</b>		
2.2.2. Các bước tiến hành		
2.2.2.1. Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
2.2.2.2. Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
2.2.2.3. Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
2.2.2.4. Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
2.2.3. Hoàn chỉnh bài vẽ		
<b>2.3. Vẽ đầu tượng nam già</b>		
2.3.1. Mục đích- yêu cầu		
2.3.2. Phân tích đặc điểm trên tượng chân dung nam già.		
2.3.2 Áp dụng phương pháp vẽ hình họa		
2.3.2.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
2.3.2.2. Hoàn chỉnh bài vẽ		
2.3.2.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>2.4. Vẽ đầu tượng nữ trẻ</b>		
2.4.1. Mục đích- yêu cầu		
2.4.2. Nghiên cứu đặc điểm trên tượng chân dung nữ trẻ.		
2.4.2 Áp dụng phương pháp vẽ hình họa		
2.4.2.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
2.4.2.2. Hoàn chỉnh bài vẽ		
2.4.2.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
		Sử dụng các PPDH Thuyết trình, phân tích. Sử dụng bài vẽ SV minh họa.

<b>2.5. Thực hành</b>	20	Đánh giá Kiểm tra quá trình
2.5.1. Vẽ tượng chân dung nam trung niên		
2.5.2. Vẽ tượng chân dung nữ trẻ (có vải nền)		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Triệu Khắc Lễ (2000), *Hình họa và điêu khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Tiên Hiếu (2004), *Giáo trình Giải phẫu tạo hình*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Đặng Xuân Cường (2004), *Luật xa gần*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Đỗ Xuân Tịnh

## HỌC PHẦN HÌNH HỌA 2

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Hình họa 2
- Mã học phần: 817053
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình họa 1(817050)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật

### 3. Mô tả học phần

Hình họa 2 là môn học nghiên cứu sâu về hình thái, cấu trúc và tỷ lệ mặt người, diễn đạt tốt các trạng thái tình cảm thông qua việc nghiên cứu hình họa chân dung người thật. Đồng thời bước đầu làm quen với việc nghiên cứu giải phẫu xương cơ của cơ thể và vẽ cơ thể người thật bằng chất liệu chì.

### 4. Mục tiêu học phần

- 4.1. Về kiến thức
  - SV biết được phương pháp vẽ chân dung và bán thân người thật.
  - SV hiểu rõ các yêu cầu đúng tương quan tỷ lệ, đúng cấu trúc chân dung người và cơ thể người. Hiểu rõ tính vận động của hình khối, biết nhận định đặc điểm và tính cách nhân vật.
  - SV biết phân tích, đánh giá chất lượng hoàn thành bài hình họa nghiên cứu.
- 4.2. Về kỹ năng
  - SV sử dụng thành thạo chất liệu chì.
  - SV nắm vững quy trình khi tiến hành một bài hình họa nghiên cứu.
  - SV có tư duy khoa học, biết ước lượng, xử lý các cung bậc đậm nhạt thật nhuần nhuyễn để diễn tả hình khối và độ sâu không gian.
- 4.3. Về thái độ
  - SV có thái độ làm việc nghiêm túc.
  - SV có sự say mê, hứng thú khi thể hiện và nghiên cứu hình họa.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Vẽ chân dung người thật</b>		
<b>1.1. Lý thuyết chung</b>		
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Mục đích - Yêu cầu - Vai trò của vẽ chân dung người thật		
1.1.3. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa		
1.1.3.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
1.1.3.2. Hoàn chỉnh bài		
1.1.3.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>1.2. Vẽ chân dung nam già</b>		
1.2.1. Giới thiệu và chọn mẫu		
1.2.2. Nghiên cứu đặc điểm trên chân dung mẫu nam già.		
1.2.3. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa		
1.2.3.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
1.2.3.2. Hoàn chỉnh bài		
1.2.3.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>1.3. Vẽ chân dung nam trẻ</b>		
1.3.1. Giới thiệu và chọn mẫu		
1.3.2. Nghiên cứu đặc điểm trên chân dung mẫu nam trẻ.		
1.3.3. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa		
1.3.3.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
1.3.3.2. Hoàn chỉnh bài		
1.3.3.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>1.4. Vẽ chân dung nữ trẻ</b>		
1.4.1. Giới thiệu và chọn mẫu		
1.4.2. Nghiên cứu đặc điểm trên chân dung mẫu nam trẻ.		

1.4.3. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa		Sử dụng các PPDH Thuyết trình, phân tích. Sử dụng bài vẽ SV minh họa.
1.4.3.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
1.4.3.2. Hoàn chỉnh bài		
1.4.3.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>1.5. Thực hành</b>	15	Đánh giá Kiểm tra quá trình
1.5.1. Vẽ chân dung nam già (chất liệu chì)		
1.5.2. Vẽ chân dung nam trẻ (chất liệu chì)		
1.5.3. Vẽ chân dung nữ trẻ (chất liệu chì)		
<b>Chương 2: Vẽ tượng bán thân</b>	8	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Sử dụng bài vẽ SV minh họa.
<b>2.1. Lý thuyết chung</b>		
2.1.1. Khái niệm		
2.1.2. Mục đích - Yêu cầu - Vai trò của vẽ tượng bán thân		
2.1.3. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa		
2.1.3.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
2.1.3.2. Hoàn chỉnh bài		
2.1.3.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>2.2. Vẽ tượng bán thân nam</b>		Thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan
2.2.1. Giới thiệu và chọn mẫu		
2.2.2. Nghiên cứu đặc điểm giải phẫu trên tượng bán thân nam.		
2.2.3. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa		
2.2.3.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
2.2.3.2. Hoàn chỉnh bài		
2.2.3.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>2.3 Vẽ tượng bán thân nữ</b>	Thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan	
2.3.1. Giới thiệu và chọn mẫu		
2.3.2. Nghiên cứu đặc điểm giải phẫu trên tượng bán thân nữ		
2.3.3. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa		
2.3.3.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		



Bước 2: Dựng hình- Bỏ cục		Thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan
Bước 3: Dựng chi tiết- Chính hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
2.3.3.2. Hoàn chỉnh bài		
2.3.3.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ	15	Đánh giá Kiểm tra quá trình
<b>2.4. Thực hành</b>		
2.4.1. Vẽ tượng bán thân nam (chất liệu chì)		
2.4.2. Vẽ tượng bán thân nữ (chất liệu chì)		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Triệu Khắc Lễ (2000), *Hình họa và điêu khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Tiên Hiếu (2004), *Giáo trình Giải phẫu tạo hình*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Đặng Xuân Cường (2004), *Luật xa gần*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Triệu Khắc Lễ (2008), *Hình họa 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN  
HÌNH HỌA 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Hình họa 3
- Mã học phần: 817117
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình họa 2 (817053)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Hình họa 3 là môn học chuyên tiếp rất quan trọng và cần thiết trong phân môn Hình họa, là học phần bước đầu làm quen và nghiên cứu vẽ tượng toàn thân làm cơ sở vững chắc cho các môn học khác khi vẽ người.

**4. Mục tiêu học phần**

- 4.1. Về kiến thức
  - SV nắm vững phương pháp vẽ tượng người toàn thân chất liệu chì
  - SV biết phân tích, đánh giá chất lượng hoàn thành bài hình họa nghiên cứu.
- 4.2. Về kỹ năng
  - SV sử dụng thành thạo chất liệu chì, than
  - SV nắm vững quy trình khi tiến hành một bài hình họa nghiên cứu.
  - SV có tư duy khoa học, biết ước lượng, xử lý các cung bậc đậm nhạt thật nhuần nhuyễn để diễn tả hình khối của tượng toàn thân.
- 4.3. Về thái độ
  - SV có thái độ làm việc nghiêm túc.
  - SV có sự say mê, hứng thú tìm hiểu vẻ đẹp cơ thể người.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Vẽ tượng toàn thân</b>	5	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>1.1. Lý thuyết chung</b>		
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Mục đích - Yêu cầu - Vai trò của vẽ tượng toàn thân		
1.1.3. Bổ sung giải phẫu cơ thể người		
1.1.3.1. Bổ sung về cấu trúc xương, cơ thân		
1.1.3.2. Cấu tạo xương, cơ chi trên và chi dưới		
1.1.3.3. Cấu tạo xương, cơ bàn tay và bàn chân		
<b>1.2. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa</b>		
1.2.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát- Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình- Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết- Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng- Tạo khối		
1.2.2. Hoàn chỉnh bài		
1.2.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>Chương 2: Vẽ tượng toàn thân nam vật mảng</b>	5	Sử dụng các PPDH Thuyết trình, phân tích. Sử dụng bài vẽ SV minh họa.
<b>2.1. Nội dung</b>		
2.1.1. Giới thiệu và chọn mẫu		
2.1.2. Nghiên cứu đặc điểm trên tượng toàn thân nam vật mảng		
<b>2.2. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa</b>		
2.2.1. Các bước tiến hành		
Bước 1: Quan sát - Nhận xét		
Bước 2: Dựng hình - Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết - Chỉnh hình		
Bước 4: Đánh bóng - Tạo khối		
2.2.2. Hoàn chỉnh bài	Thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan	
2.2.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>2.3. Thực hành</b> Vẽ tượng toàn thân nam vật mảng (chất liệu chì)	15	Đánh giá Kiểm tra quá trình
<b>Chương 3: Vẽ tượng toàn thân nữ</b>	5	Sử dụng các PPDH Thuyết trình, phân tích. Sử dụng bài vẽ SV minh họa.
<b>3.1. Nội dung</b>		
3.1.1. Giới thiệu và chọn mẫu		
3.1.2. Nghiên cứu đặc điểm trên tượng toàn thân nữ		
<b>3.2. Áp dụng các phương pháp vẽ hình họa</b>		
3.2.1. Các bước tiến hành	Thuyết trình, phân tích.	

Bước 1: Quan sát - Nhận xét		Hướng dẫn trực quan
Bước 2: Dựng hình - Bố cục		
Bước 3: Dựng chi tiết - Chính hình		
Bước 4: Đánh bóng - Tạo khối		
3.2.2. Hoàn chỉnh bài		
3.2.3. Đánh giá yêu cầu bài vẽ		
<b>3.3. Thực hành</b> Vẽ tượng toàn thân nữ (chất liệu chì) có vải nền	15	Đánh giá Kiểm tra quá trình

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Triệu Khắc Lễ (2000), *Hình họa và điêu khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Tiến Hiếu (2004), *Giáo trình Giải phẫu tạo hình*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Đặng Xuân Cường (2004), *Luật xa gần*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Triệu Khắc Lễ (2008), *Hình họa 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 3 buổi
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh

## HỌC PHẦN HÌNH HỌA 4

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Hình họa 4
- Mã học phần: 817118
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình họa 3 (817117)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật

### 3. Mô tả học phần

Hình họa 4 là môn học cung cấp kiến thức về màu sắc và sự phối hợp màu sắc. Vận dụng kiến thức vào bài vẽ tĩnh vật màu và chân dung màu. Nhằm phát triển khả năng cảm thụ màu sắc và diễn đạt tốt các trạng thái tình cảm dựa trên sự phối hợp màu.

Thông qua việc nghiên cứu hình họa màu còn giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng thực hành phục vụ cho các học phần sáng tác.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- SV biết lựa chọn góc độ và thiết lập bố cục và sử dụng chất liệu màu bột thể hiện bài vẽ tĩnh vật màu và chân dung màu.
- SV có kiến thức về các loại hòa sắc và tính biểu cảm của màu sắc thông qua các bài thực hành vẽ tĩnh vật màu và chân dung màu.
- SV biết phân tích, đánh giá chất lượng hoàn thành bài hình họa nghiên cứu.

#### 4.2. Về kỹ năng

- SV biết được phương pháp vẽ tĩnh vật màu và chân dung màu (bột màu)
- SV có kỹ năng vận dụng các nguyên lý bố cục và hòa sắc để thể hiện tác phẩm.
- SV có kỹ năng sử dụng thành thạo chất liệu bột màu thể bài vẽ tĩnh vật và chân dung.

## 4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc.
- Cảm nhận cái đẹp của màu sắc trong hội họa.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Ánh sáng và màu sắc</b> <b>1.1. Màu sắc vật thể</b> 1.1.1. Màu bản thân 1.1.2. Màu vật thể dưới ánh sáng 1.1.3. Tác động không gian vào màu sắc vật thể <b>1.2. Tương quan màu sắc</b> 1.2.1. Màu nóng – lạnh 1.2.2. Màu tương đồng 1.2.3. Màu trung gian – màu trung tính 1.2.4. Ánh sáng và tương quan màu sắc 1.2.5. Màu bóng đổ	3	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>Chương 2: Hòa sắc và tính biểu cảm</b> <b>2.1. Hòa sắc nóng</b> 2.1.1. Màu nóng và sự phối hợp 2.1.2. Tính biểu cảm <b>2.2. Hòa sắc lạnh</b> 2.2.1. Màu lạnh và sự phối hợp 2.2.2. Tính biểu cảm <b>2.2. Hòa sắc tương phản</b> 2.2.1. Màu tương phản và sự phối hợp 2.2.2. Tính biểu cảm	4	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích.
<b>Chương 3: Phương pháp thể hiện bài vẽ tĩnh vật màu (bột màu)</b> <b>3.1. Quan sát - Nhận xét , Tìm bố cục</b> 3.1.1. Quan sát, lựa chọn góc nhìn phù hợp ý đồ 3.1.2. Xác định hòa sắc 3.1.3. Chọn bố cục cân đối <b>3.2. Dựng hình và tìm tương quan màu sắc</b> 3.2.1. Dựng hình bằng đường kỷ hà, xác định tỷ lệ của các vật thể mẫu. 3.2.2. Tìm hình khối và tìm màu của tổng thể vật mẫu 3.2.3. Hệ thống ánh sáng của mẫu 3.2.4. Tương quan màu nóng – lạnh của hòa sắc <b>3.3. Hòa sắc và bút pháp</b> 3.3.1. Tìm chủ sắc và màu nhấn 3.3.2. Bút pháp thể hiện	4	Sử dụng các PPDH Thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan

<b>3.4. Hoàn chỉnh bài</b>		
3.4.1. Gam màu chủ đạo		
3.4.2. Màu nhấn và trọng tâm bài vẽ		
<b>3.5. Thực hành</b>	10	Thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình
Bài vẽ chủ đề tĩnh vật (chất liệu bột màu)		
<b>Chương 4: Chân dung bột màu</b>		
<b>4.1. Quan sát - Nhận xét , Tìm bố cục</b>		
4.1.1. Quan sát, lựa chọn góc nhìn phù hợp ý đồ		
4.1.2. Nhận xét đặc điểm chân dung mẫu. Xác định hòa sắc		
4.1.3. Chọn bố cục cân đối		
<b>4.2. Dựng hình và tìm tương quan màu sắc</b>		
4.2.1. Dựng hình bằng đường kỷ hà, xác định đúng tỷ lệ của các phần trên chân dung (áp dụng tỷ lệ giải phẫu cho các bộ phận trên chân dung)	4	Sử dụng các PPDH Thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan
4.2.2. Tìm hình khối		
4.2.3. Hệ thống ánh sáng lớn trên chân dung		
4.2.4. Tương quan màu nóng – lạnh của hòa sắc		
4.2.5. Ánh sáng chi tiết các bộ phận trên chân dung để làm rõ khối và không gian		
<b>4.3. Hòa sắc và bút pháp</b>		
4.3.1. Tìm chủ sắc và màu nhấn		
4.3.2. Bút pháp thể hiện		
<b>4.4. Hoàn chỉnh bài</b>		
4.4.1. Gam màu chủ đạo		
4.4.2. Màu nhấn và trọng tâm bài vẽ		
<b>4.5. Thực hành</b>	20	Thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình
4.5.1. Vẽ chân dung nam trẻ (chất liệu bột màu)		
4.5.2. Vẽ chân dung nữ trẻ (chất liệu bột màu)		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Triệu Khắc Lễ (2000), *Hình họa và điêu khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Tiến Hiếu (2004), *Giáo trình Giải phẫu tạo hình*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Họa sĩ Uyên Huy (2009), *Màu sắc và phương pháp sử dụng*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

4. Đặng Xuân Cường (2004), *Luật xa gần*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 3 buổi

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh



**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phương pháp dạy học Mỹ thuật 1
- Mã học phần: 817051
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Phương pháp dạy học Mỹ thuật 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học Mỹ thuật; phương pháp thiết kế kế hoạch dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông nói chung và trường trung học cơ sở (THCS) nói riêng.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Sinh viên hiểu cơ bản về nội dung và mục tiêu của phương pháp dạy học Mỹ thuật tại trường phổ thông;
- Sinh viên hiểu về những phương pháp dạy học mỹ thuật được vận dụng trong dạy học các phân môn Mỹ thuật ở trường phổ thông;
- Sinh viên biết các phân môn, cấu trúc một giờ dạy và cấu trúc kế hoạch dạy học tại trường THCS.

**4.2. Về kỹ năng**

- Sinh viên phân biệt được đặc điểm của các phân môn Mỹ thuật;
- Sinh viên vận dụng được các phương pháp dạy học phù hợp với từng phân môn Mỹ thuật;
- Sinh viên vận dụng được phương pháp thiết kế kế hoạch dạy học phù hợp với cấu trúc giờ dạy Mỹ thuật.

**4.3. Về thái độ**

- Sinh viên nhận thức đúng về vai trò của môn Mỹ thuật ở trường THCS;

- Sinh viên tôn trọng và yêu mến nghề dạy học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Lý luận chung về phương pháp dạy học Mĩ thuật</b>		Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh), thảo luận
<b>1.1. Giới thiệu chung về dạy học Mĩ thuật ở trường phổ thông</b>	5	
<b>1.2. Phương pháp dạy học Mĩ thuật ở trường THCS</b>	10	
1.2.1. Đặc trưng môn Mĩ thuật ở trường THCS		
1.2.2. Một số phương pháp thường vận dụng trong dạy học Mĩ thuật ở trường THCS		
<b>Chương 2. Lý luận về tổ chức dạy học Mĩ thuật ở trường THCS</b>		
<b>2.1. Khái quát về tổ chức dạy học Mĩ thuật ở trường THCS</b>	5	
2.1.1. Mục tiêu		
2.1.2. Vai trò		
2.1.3. Cấu trúc giờ dạy		
<b>2.2. Các phân môn Mĩ thuật</b>	5	
2.2.1. Đặc điểm		
2.2.2. Các phương pháp thường vận dụng trong dạy học các phân môn		
<b>2.3. Phương pháp thiết kế Kế hoạch dạy học</b>	20	
2.3.1. Khái niệm		
2.3.2. Cấu trúc của Kế hoạch dạy học		
2.3.3. Quy trình thiết kế Kế hoạch dạy học		

### 6. Tài liệu học tập

#### 6.1. Tài liệu chính

- Đàm Luyện, Bạch Ngọc Diệp, Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học môn Mỹ thuật Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Nguyễn Quốc Toàn (2007), *Tài liệu phương pháp giảng dạy Mỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

#### 6.2. Tài liệu khác

- Ứng Thị Châu (2000), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Trần Tuyết Oanh (2000), *Giáo trình giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Cao Minh Hồng Hạnh

**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phương pháp dạy học Mỹ thuật 2
- Mã học phần: 817056
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Phương pháp dạy học Mỹ thuật 1 (817051), Thực hành sư phạm 1Đ (817107), Thực hành sư phạm 2Đ (817108)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Phương pháp dạy học Mỹ thuật 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp tổ chức dạy học và thiết kế kế hoạch dạy học Mỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin, cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên hiểu về nội dung và mục tiêu của phương pháp tổ chức dạy học Mỹ thuật tại trường phổ thông;
- Sinh viên hiểu về quy trình thiết kế kế hoạch dạy học ở trường phổ thông;
- Sinh viên hiểu quá trình đánh giá kết quả học tập sau quá trình tổ chức dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên tổ chức được giờ dạy các phân môn Mỹ thuật ở trường phổ thông;
- Sinh viên thiết kế được kế hoạch dạy học các phân môn Mỹ thuật;
- Sinh viên đánh giá được kết quả học tập sau quá trình tổ chức dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên nhận thức đúng về vai trò của môn Mỹ thuật ở trường THCS;
- Sinh viên tôn trọng và yêu mến nghề dạy học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Phương pháp tổ chức dạy học các phân môn Mĩ thuật</b>		
<b>1.1. Phân môn Vẽ theo mẫu</b>		
1.1.1. Khái niệm	5	
1.1.2. Mục đích - Yêu cầu		
1.1.3. Phương pháp tổ chức		
<b>1.2. Phân môn Vẽ tranh</b>		
1.2.1. Khái niệm	5	
1.2.2. Mục đích - Yêu cầu		
1.2.3. Phương pháp tổ chức		
<b>1.3. Phân môn Vẽ trang trí</b>		
1.3.1. Khái niệm	5	
1.3.2. Mục đích - Yêu cầu		
1.3.3. Phương pháp tổ chức		
<b>1.4. Phân môn Thường thức Mĩ thuật</b>		
1.4.1. Khái niệm	5	
1.4.2. Mục đích - Yêu cầu		
1.4.3. Phương pháp tổ chức		
<b>Chương 2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Mĩ thuật</b>		
<b>2.1. Khái niệm và phương tiện ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Mĩ thuật</b>		
2.1.1. Khái niệm	15	
2.1.2. Phương tiện		
<b>2.2. Phương pháp thiết kế bài dạy ứng dụng công nghệ thông tin</b>		
2.2.1. Phân loại		
2.2.2. Cấu trúc bài dạy		
2.2.3. Yêu cầu		
<b>Chương 3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập</b>		
3.1. Khái niệm	10	
3.2. Mục đích		
3.3. Yêu cầu		

<b>3.4. Nội dung - Hình thức đánh giá</b>		
<b>3.5. Cơ sở đánh giá</b>		

## **6. Tài liệu học tập**

### 6.1. Tài liệu chính

3. Đàm Luyện, Bạch Ngọc Diệp, Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học môn Mỹ thuật Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Quốc Toàn (2007), *Tài liệu phương pháp giảng dạy Mỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Ứng Thị Châu (2000), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Trần Tuyết Oanh (2000), *Giáo trình giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH                      TRƯỞNG BỘ MÔN                      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Cao Minh Hồng Hạnh

**HỌC PHẦN  
 KÝ HỌA THỰC TẾ 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ký họa thực tế 1
- Mã học phần: 817057
- Số tín chỉ: 4
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 120 (0; 0; 0; 120)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình họa 3 (817117)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Ký họa thực tế 1 là môn học nghiên cứu đặc tính của chất liệu dùng để ký họa chú trọng việc thực hành và tự rèn luyện kỹ năng ký họa, nhằm trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu ký họa sự vật, con người trong thiên nhiên, nâng cao kỹ năng tạo hình và sáng tạo tác phẩm mỹ thuật. Đặc biệt là giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận đặc thù văn hóa của từng vùng miền.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- SV hiểu các đặc tính của chất liệu và dụng cụ sử dụng để ký họa như: bút chì, chì than, bút sắt, màu nước, mực nho, màu bột.
- SV hiểu rõ nguyên lý thị giác.
- SV hiểu được phương pháp ký họa cây cối, động vật, đồ vật, con người ở dạng tĩnh, phong cảnh.
- SV hiểu được văn hóa, các phong tục tập quán vùng miền, các lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc.

4.2. Về kỹ năng

- SV có kỹ năng vận dụng những kinh nghiệm thị giác để ký họa.
- SV có kỹ năng xử lý bố cục trong ký họa.
- SV có khả năng sử dụng thành thạo chất liệu để ký họa.

- SV có kỹ năng tự thực hành ký họa.
- SV có kỹ năng tự nghiên cứu tiếp cận các tác phẩm nghệ thuật.

#### 4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc, yêu quý và tôn trọng giá trị tác phẩm, biết yêu thiên nhiên, con người.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Đặc tính của một số chất liệu và dụng cụ ký họa</b>	5	Sử dụng các PPDH Thuyết trình, phân tích.
<b>1.1. Bút chì, chì than, bút sắt</b>		
1.1.1. Đặc tính		
1.1.2. Hiệu ứng		
1.1.3. Giấy vẽ		
<b>1.2. Mực nho màu nước, màu bột</b>		
1.2.1. Đặc tính		
1.2.2. Hiệu ứng		
1.2.3. Dụng cụ ký họa màu nước		
1.2.3.1. Giấy vẽ		
1.2.3.1. Cọ vẽ		
<b>Chương 2. Phương pháp ký họa</b>	5	Thuyết trình, phân tích. Minh họa trực quan
<b>2.1. Bố cục</b>		
2.1.1. Chọn góc nhìn		
2.2.2. Sơ phác		
2.2.3. Tinh chỉnh		
2.2.4. Nhấn trọng tâm		
<b>2.2. Kỹ thuật sử dụng chất liệu</b>		
2.2.1. Bút chì, chì than, bút sắt		
2.2.2. Mực nho, màu nước, màu bột		
<b>Chương 3. Thực hành ký họa</b>	110	Thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình
<b>3.1. Ký họa cây cối, động vật, đồ vật</b>		
<b>3.2. Ký họa phong cảnh</b>		
<b>3.3. Ký họa con người ở dạng tĩnh</b>		

### 6. Tài liệu học tập

#### 6.1. Tài liệu chính

1. Vương Hoàng Lục (1998), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
2. Lương Xuân Nhị (1985), *Giải phẫu tạo hình*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
3. Nguyễn Quân (1998), *Con mắt nhìn cái đẹp*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.



4. Nguyễn Văn Ty (1985), *Bước đầu học vẽ*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
5. Lê Huy Văn và Trần Từ Thành (2000), *Cơ sở tạo hình*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

Không có

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 03

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không thi kết thúc học phần, đánh giá bằng các bài tập thực hành.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.9;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.0;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Nguyễn Tất Mão

**HỌC PHẦN**  
**KÝ HỌA THỰC TẾ 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Ký họa thực tế 2
- Mã học phần: 817058
- Số tín chỉ: 4
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 120 (0; 0; 0; 120)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Ký họa thực tế 1 (817057)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Ký họa thực tế 2 là môn học nghiên cứu đặc tính của chất liệu dùng để ký họa chú trọng việc thực hành và tự rèn luyện kỹ năng ký họa, tập trung nghiên cứu sâu về ký họa nhóm người, phong cảnh có người và ký họa theo chủ đề nhằm nâng cao kỹ năng tạo hình và sáng tạo tác phẩm mỹ thuật. Đặc biệt là giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận đặc thù văn hóa của từng vùng miền.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- SV hiểu các đặc tính của chất liệu và dụng cụ sử dụng để ký họa như: bút chì, chì than, bút sắt, màu nước, mực nho, màu bột.
- SV hiểu rõ nguyên lý thị giác.
- SV biết chọn góc nhìn thích hợp để ký họa.
- SV hiểu được phương pháp ký họa nhóm người, phong cảnh có người và ký họa theo chủ đề.
- SV hiểu được văn hóa, các phong tục tập quán vùng miền, các lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc.

4.2. Về kỹ năng

- SV có kỹ năng vận dụng những kinh nghiệm thị giác để ký họa.
- SV có khả năng sử dụng thành thạo chất liệu để ký họa nhóm người.

- SV có kỹ năng xử lý bố cục trong ký họa nhóm người và chủ đề.
- SV có kỹ năng tự nghiên cứu tư liệu ký họa vận dụng cho môn học sáng tác.
- SV có kỹ năng tự nghiên cứu tiếp cận các tác phẩm nghệ thuật.

#### 4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc, yêu quý và tôn trọng giá trị tác phẩm, biết yêu thiên nhiên, con người.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Ký họa theo đề tài nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp</b>	60	GV diễn giảng, phân tích. Minh họa trực quan
<b>1.1. Mục đích – Yêu cầu</b>		
1.1.1. Chủ đề - Đề tài		
1.1.1.1. Nhóm người rõ đề tài		
1.1.1.2. Phong cảnh rõ đề tài		
1.1.2. Nghiên cứu hoạt động theo đề tài nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp		
1.1.2.1. Nghiên cứu động thái trong hoạt động		
1.1.2.2. Nghiên cứu dụng cụ, đồ vật theo đề tài		
<b>1.2. Vận dụng phương pháp và kỹ thuật chất liệu trong ký họa đề tài nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp</b>		
1.2.1. Bố cục		
1.2.1.1. Chọn góc nhìn		
1.2.1.2. Sơ phác		
1.2.1.3. Tinh chỉnh		
1.2.1.4. Nhấn trọng tâm		
1.2.2 Kỹ thuật sử dụng chất liệu		
1.2.2.1. Bút chì, chì than, bút sắt		
1.2.2.2. Mực nho, màu nước, màu bột		
<b>Chương 2. Ký họa theo đề tài công nghiệp, ngư nghiệp</b>		
<b>2.1. Mục đích – Yêu cầu</b>		
2.1.1. Chủ đề - Đề tài		
2.1.1.1. Nhóm người rõ đề tài		
2.1.1.2. Phong cảnh rõ đề tài		
2.1.2. Nghiên cứu hoạt động theo đề tài công nghiệp, ngư nghiệp		
2.1.2.1. Nghiên cứu động thái trong hoạt động		
2.1.2.2. Nghiên cứu dụng cụ, đồ vật theo đề tài		
<b>2.2. Vận dụng phương pháp và kỹ thuật chất liệu trong ký họa đề tài công nghiệp, ngư nghiệp</b>		

2.2.1. Bộ cục		
2.2.1.1. Chọn góc nhìn		
2.2.1.2. Sơ phác		
2.2.1.3. Tinh chỉnh		
2.2.1.4. Nhân trọng tâm		
2.2.2. Kỹ thuật sử dụng chất liệu		
2.2.2.1. Bút chì, chì than, bút sắt		
2.2.2.2. Mực nho, màu nước, màu bột		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Vương Hoằng Lực (1998), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
2. Lương Xuân Nhị (1985), *Giải phẫu tạo hình*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
3. Nguyễn Quân (1998), *Con mắt nhìn cái đẹp*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Ty (1985), *Bước đầu học vẽ*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
5. Lê Huy Văn, Trần Từ Thành (2000), *Cơ sở tạo hình*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

Không có

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 03

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không thi kết thúc học phần, đánh giá bằng các bài tập thực hành.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.9;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.0;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Nguyễn Tất Mão

**HỌC PHẦN  
 TRANG TRÍ 1**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Trang trí 1
- Mã học phần: 817052
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: (Lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(15,0,0,30)
- Trình độ đào tạo: Đại học; cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không.
- + Đòi hỏi môn song hành: Không.
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Mỹ thuật.

**3. Mô tả học phần**

- Học phần Trang trí 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về trang trí.

**4. Mục tiêu học phần**

- 4.1. Về kiến thức.
- Sinh viên có kiến thức cơ bản về trang trí.
  - Sinh viên có hiểu biết về cách triển khai ý tưởng trong bài thực hành trang trí.
- 4.2. Về kỹ năng.
- Sinh viên sử dụng được chất liệu màu bột, màu nước.
  - Sinh viên thực hiện được bài trang trí theo yêu cầu.
- 4.3. Về thái độ.
- Sinh viên có thái độ làm việc nghiêm túc.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá
<b>Chương 1. Những vấn đề chung về trang trí</b>	10	
<b>1.1. Khái quát về bộ môn</b>		
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Ngôn ngữ mỹ thuật trong trang trí		
1.1.2.1. Đường nét		
1.1.2.2. Hình mảng		

1.1.2.3. Đậm nhạt	Thuyết trình, minh họa bảng (Power Point, hình ảnh). Bài tập
1.1.2.4. Màu sắc	
1.1.2.5. Bố cục	
<b>1.2. Các nguyên tắc của bố cục trang trí</b>	
1.2.1. Nhắc lại	
1.2.2. Xen kẽ	
1.2.3. Đẳng đối	
1.2.4. Hình mảng không đồng đều	
1.2.5. Nguyên tắc tương phản	
<b>1.3. Màu sắc</b>	
1.3.1. Khái niệm	
1.3.2. Màu sắc	
<b>1.4. Phân loại màu sắc trong hội họa</b>	
1.4.1. Màu gốc	
1.4.2. Màu bổ túc	
1.4.3. Màu tương phản	
1.4.4. Màu nóng, màu lạnh	
1.4.5. Màu trung gian	
1.4.6. Màu tương đồng	
<b>1.5. Các loại sắc</b>	
1.5.1. Sắc độ	
1.5.2. Sắc biến	
1.5.3. Sắc giai	
<b>1.6. Hòa sắc</b>	
1.6.1. Hòa sắc tương phản	
1.6.2. Hòa sắc tương đồng	
1.6.3. Tương quan màu sắc	
1.6.4. Trình tự phối màu	
<b>1.7. Vai trò của màu sắc trong học tập và sáng tác mỹ thuật</b>	
1.7.1. Màu sắc trong sáng tạo nghệ thuật	
1.7.2. Những điều cần lưu ý khi học mỹ thuật	
1.7.2.1. Cách chọn giấy vẽ	
1.7.2.2. Phương pháp pha màu	
1.7.2.3. Dụng cụ vẽ	
1.7.2.4. Trình tự phối màu	

<b>1.8. Thực hành vẽ vòng thuần sắc</b>	15	Thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình
1.8.1. Định nghĩa		
1.8.2. Mục đích và yêu cầu		
<b>Chương 2: Ghi chép và cách điệu hoa lá, côn trùng</b>	5	Thuyết trình, minh họa bằng (PowerPoint, hình ảnh). Bài tập
<b>2.1. Ghi chép và cách điệu hoa lá</b>		
2.1.1. Họa tiết		
2.1.2. Cách ghi chép hoa lá		
2.1.2.1. Chọn mẫu		
2.1.2.2. Phương pháp ghi chép		
2.1.3. Đơn giản và cách điệu		
2.1.3.1. Đơn giản		
2.1.3.2. Cách điệu		
<b>2.2. Ghi chép và cách điệu côn trùng</b>		
2.2.1. Cách ghi chép côn trùng		
2.2.1.1. Chọn mẫu		
2.2.1.2. Phương pháp ghi chép		
2.2.2. Đơn giản và cách điệu		
2.2.2.1. Khái niệm		
2.2.2.2. Cách đơn giản hóa hình vẽ		
2.2.2.3. Cách điệu		
<b>2.3. Thực hành</b>	15	
Chép và cách điệu 1 mẫu hoa lá, 1 mẫu côn trùng (chất liệu màu bột)		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thế Hùng (cb), Nguyễn Thị Nhung (1998), *Giáo trình trang trí tập 3*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Tạ Phương Thảo (1998), *Giáo trình trang trí tập 1*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Phạm Ngọc Tới (1998), *Giáo trình trang trí tập 2*, NXB Đại học Sư phạm.

### 6.2. Tài liệu khác: không có

## 7. Cách đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm kết thúc học phần (hệ số phải hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh

ThS. Nguyễn Tất Mão

ThS. Võ Thị Nguyên



**HỌC PHẦN  
 TRANG TRÍ 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Trang trí 2
- Mã học phần: 817119
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: (Lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(15,0,0,30)
- Trình độ đào tạo: Đại học; cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Trang trí 1 (817052)
- + Đòi hỏi môn song hành: không.
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách học phần:** Mỹ thuật.

**3. Mô tả học phần**

Trang trí 2 là môn học cơ bản, vận dụng những kiến thức đã được học từ học phần Trang trí 1 để sáng tạo được những bài trang trí cơ bản, bước đầu rèn luyện tính sáng tạo để ứng dụng vào các môn học sau.

**4. Mục tiêu học phần**

- 4.1. Về kiến thức:
- Sinh viên có kiến thức về các nguyên tắc trang trí.
  - Sinh viên có hiểu biết về phương pháp tiến hành một bài vẽ trang trí cơ bản.
  - Sinh viên biết ứng dụng những kiến thức đã học từ học phần Trang trí 1.
- 4.2. Về kỹ năng:
- Sinh viên có khả năng sử dụng được nhuần nhuyễn chất liệu bột màu pha keo sẵn.
  - Sinh viên có khả năng sáng tạo được các họa tiết đưa vào bài trang trí.
  - Sinh viên vẽ khéo léo và có tính sáng tạo.
- 4.3. Về thái độ:
- Sinh viên có thái độ làm việc nghiêm túc, hình thành thị hiếu thẩm mỹ tốt.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá
<b>Chương 1. Trang trí các hình cơ bản.</b>	10	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh)
<b>1.1. Mục đích và yêu cầu của bài học trang trí cơ bản</b>		
1.1.1. Mục đích		

1.1.2. Yêu cầu		
<b>1.2. Đặc tính của các hình cơ bản.</b>		
1.2.1. Đường điềm		
1.2.2. Hình vuông, hình chữ nhật		
1.2.3. Hình tròn		
<b>1.3. Các nguyên tắc trang trí cơ bản.</b>		
1.3.1. Nguyên tắc cân đối		
1.3.2. Nguyên tắc đăng đối		
1.3.3. Nguyên tắc nhắc lại		
1.3.4. Nguyên tắc xen kẽ		
1.3.5. Nguyên tắc phá thế		
1.3.5.1. Phá thế về đường nét		
1.3.5.2. Phá thế về hình mảng		
1.3.5.3. Phá thế về đậm nhạt		
<b>Chương 2: Phương pháp tiến hành một bài trang trí</b>		
<b>2.1. Phác thảo</b>	5	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh)
<b>2.2. Phóng to và chỉnh hình</b>		
<b>2.3. Thể hiện</b>		
<b>Chương 3: Hướng dẫn thực hành</b>		
<b>3.1. Trang trí đường điềm</b>	30	Thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan.  Kiểm tra đánh giá
<b>3.2. Trang trí hình vuông</b>		
<b>3.3. Trang trí hình chữ nhật</b>		
<b>3.4. Trang trí hình tròn</b>		
<b>3.5. Thực hành.</b> Làm một đề án trang trí cơ bản		

## 6. Tài liệu học tập.

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thế Hùng (cb), Nguyễn Thị Nhung (1998), *Giáo trình trang trí tập 3*, NXB Đại học sư phạm.
2. Tạ Phương Thảo (1998), *Giáo trình trang trí tập 1*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Phạm Ngọc Tới (1998), *Giáo trình trang trí tập 2*, NXB Đại học Sư phạm.

### 6.2. Tài liệu khác: không

## 7. Cách đánh giá học phần.

- 7.1. Thang điềm: thang điềm 10, làm tròn đến phần nguyên.
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.
- 7.4. Các điềm quá trình và trọng số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm kết thúc học phần (hệ số phải hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0.6;
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh

ThS. Nguyễn Tất Mão

ThS. Võ Thị Nguyên

**HỌC PHẦN  
HÌNH HỌA 5****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Hình họa 5
- Mã học phần: 817060
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình họa 4 (817118)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật****3. Mô tả học phần**

Hình họa 5 là môn học cung cấp kiến thức về phương pháp sử dụng sơn dầu. Vận dụng chất liệu sơn dầu trong việc nghiên cứu hòa sắc cũng như cấu trúc, tỉ lệ, hình dáng chung của chân dung người và cơ thể con người kết hợp với các kiến thức của Luật xa gần, Giải phẫu tạo hình hoàn thiện một bộ cục hình họa sơn dầu.

Trang bị cho sinh viên kỹ thể hiện hình dáng người ứng dụng cho các học phần sáng tác chuyên ngành.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- SV nắm được kiến thức về phương pháp sử dụng chất liệu và kỹ thuật vẽ sơn dầu để thực hành bài tập vẽ chân dung và bán thân người (khỏa thân).
- SV biết phân tích, đánh giá chất lượng hoàn thành bài hình họa nghiên cứu.

**4.2. Về kỹ năng**

- SV sử dụng thành thạo chất liệu sơn dầu.
- SV có khả năng thực hiện bài hình họa chất liệu sơn dầu đúng yêu cầu.
- SV có khả năng thể hiện hình khối trên cơ thể người, có khả năng thể hiện các hòa sắc đẹp.

**4.3. Về thái độ**

- SV có thái độ nghiêm túc, chuyên tâm khi làm việc.

- SV có sự say mê, hứng thú khi thể hiện và nghiên cứu hình họa
- Cảm nhận về đẹp của con người trong hội họa.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Vấn đề cơ bản của hình họa sơn dầu</b>	5	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>1.1. Khái niệm hình họa sơn dầu</b>		
1.1.1. Chất liệu sơn dầu		
1.1.2. Không gian thực tế (Mẫu vẽ)		
1.1.3. không gian ba chiều trong hình họa sơn dầu		
1.1.4. Vai trò hình họa sơn dầu		
<b>1.2. Giải phẫu môn học hỗ trợ tích cực</b>		
1.2.1. Tỷ lệ chân dung người		
1.2.2. Tỷ lệ cơ thể người		
1.2.3. Hệ thống xương cơ		
1.3.1. Sự khác biệt của hệ xương nam và nữ		
1.3.2. Sự chuyển động của xương cột sống		
<b>Chương 2: Bố cục trong hình họa sơn dầu</b>		
<b>2.1. Hình thức bố cục</b>		
2.1.1. Bố cục đăng đối		
2.1.2. Bố cục nhịp điệu		
2.1.3. Bố cục cân bằng tự do		
<b>2.2. Hệ thống sáng tối và màu sắc trong hình họa sơn dầu</b>		
2.2.1. Hệ thống sáng tối lớn (đậm, nhạt)		
2.2.2. Hệ thống hình, mảng, khối (sáng tối, tương quan chi tiết)		
2.2.3. Hệ thống màu sắc (gam màu nóng, lạnh,...)		
2.2.4. Chủ sắc và điểm nhấn		
<b>3. Chương 3: Kỹ thuật sơn dầu</b>	5	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Sử dụng hình ảnh minh họa
<b>3.1. Kỹ thuật vẽ mỏng</b>		
3.1.1. Lót trước một màu để tìm sắc độ		
3.1.2. Lên sơn từ mỏng đến dày		
3.1.3. Lên màu từ đậm đến nhạt		
<b>3.2. Kỹ thuật vẽ trực tiếp</b>		
3.2.1. Lên màu dày trực tiếp		
3.2.2. Tương quan màu nóng – lạnh		
3.2.3. Hiệu quả của bút pháp		
3.2.4. Kỹ thuật sử dụng cọ và bay		

<b>Chương 4: Vẽ chân dung người chất liệu sơn dầu</b>		
<b>4.1. Nội dung</b>		
4.1.1. Mục đích – yêu cầu		
4.1.2. Nghiên cứu đặc điểm chân dung mẫu		
<b>4.2. Áp dụng phương pháp vẽ hình họa</b>		
4.2.1. Quan sát – nhận xét	7	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
4.2.2. Dụng hình – bố cục		
4.2.3. Hệ thống ánh sáng, hình khối và hòa sắc		
4.2.4. Đẩy sâu chi tiết hình và tương quan màu để hoàn chỉnh bài		
<b>4.3. Hoàn chỉnh bài</b>		
4.3.1. Gam màu chủ đạo		
4.3.2. Màu nhấn và trọng tâm bài vẽ		
<b>4.4. Thực hành</b>		
4.4.1. Vẽ chân dung nam trung niên (chất liệu sơn dầu)	15	Thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình
4.4.2. Vẽ chân dung nữ trẻ (chất liệu sơn dầu)		
<b>Chương 5: Vẽ bán thân người (khỏa thân) chất liệu sơn dầu</b>		
<b>5.1. Nội dung</b>		
5.1.1. Mục đích – yêu cầu		
5.1.2. Nghiên cứu đặc điểm tỷ lệ, hình dáng mẫu		
<b>5.2. Áp dụng phương pháp vẽ hình họa</b>		
5.2.1. Quan sát – nhận xét	8	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
5.2.2. Dụng hình – bố cục		
5.2.3. Hệ thống ánh sáng, hình khối và hòa sắc		
5.2.4. Đẩy sâu chi tiết hình và tương quan màu để hoàn chỉnh bài		
<b>5.3. Hoàn chỉnh bài</b>		
5.3.1. Gam màu chủ đạo		
5.3.2. Màu nhấn và trọng tâm bài vẽ		
<b>5.4. Thực hành</b>		
5.4.1. Vẽ bán thân nữ (khỏa thân) - chất liệu sơn dầu	15	Thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình
5.4.2. Vẽ bán thân nữ (khỏa thân) - chất liệu sơn dầu (có bình hoa và vải nền)		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Triệu Khắc Lễ (2000), *Hình họa và điêu khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Tiên Hiếu (2004), *Giáo trình Giải phẫu tạo hình*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. Họa sĩ Uyên Huy (2009), *Màu sắc và phương pháp sử dụng*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

4. Đặng Xuân Cường (2004), *Luật xa gần*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 3 buổi

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN  
HÌNH HỌA 6****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Hình họa 6
- Mã học phần: 817061
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình họa 5 (817060)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật****3. Mô tả học phần**

Hình họa 6 là môn học nghiên cứu về những phương pháp, thủ pháp, kỹ thuật sử dụng chất liệu sơn dầu và hình thành tư duy tạo hình, quy trình sáng tác thông qua kỹ năng thực hành từ các bài tập hình họa toàn thân người (khỏa thân).

Môn học giúp nâng cao kiến thức tạo hình, hoàn thiện kỹ năng chất liệu để hỗ trợ các học phần sáng tác.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- SV nắm vững phương pháp vẽ hình họa sơn dầu toàn thân người (khỏa thân)
- SV nắm được kiến thức về phương pháp sử dụng chất liệu và kỹ thuật sơn dầu đồng thời kết hợp lý thuyết giải phẫu người để thực hành những bài tập toàn thân người.

- SV biết phân tích, đánh giá chất lượng hoàn thành bài hình họa nghiên cứu.

**4.2. Về kỹ năng**

- SV thực hiện đúng phương pháp bài hình họa toàn thân chất liệu sơn dầu.
- SV có khả năng nghiên cứu sâu về hình thái, cấu trúc và sự vận động của cơ thể người, có khả năng thể hiện các hòa sắc đẹp.
- SV khả năng thể hiện phong cách định hướng cho sáng tác.

**4.3. Về thái độ**

- SV có thái độ nghiêm túc, chuyên tâm khi làm việc.



- SV có sự say mê, hứng thú tìm kiếm phong cách thể hiện
- Cảm nhận về đẹp của con người trong các tác phẩm hội họa.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1: Các yếu tố thực hiện trong hình họa toàn thân người (khỏa thân) chất liệu sơn dầu</b></p> <p><b>1.1. Đường, nét</b></p> <p>1.1.1. Đường nét chiều ngang</p> <p>1.1.2. Đường nét thẳng đứng</p> <p>1.1.3. Đường nét xiên, cong, uốn lượn</p> <p><b>1.2. Hình khối</b></p> <p>1.2.1. Hình, mảng và khối</p> <p>1.2.2. Tương quan ánh sáng</p> <p>1.2.3. Hình khối và không gian</p> <p><b>1.3. Màu sắc</b></p> <p>1.3.1. Màu sắc trong hình họa</p> <p>1.3.2. Hòa sắc</p> <p>1.3.3. Tương quan nóng - lạnh trong hòa sắc</p> <p>1.3.4. Tính biểu cảm của hòa sắc.</p> <p><b>1.4. Nghiên cứu Giải phẫu</b></p> <p>1.4.1. Hình thái, tỷ lệ toàn thân và các bộ phận cơ thể người</p> <p>1.4.2. Hệ xương - cơ toàn thân</p> <p>1.4.3. Sự vận động của hệ xương - cơ toàn thân trong hoạt động</p>	10	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Giới thiệu tài liệu cho SV
<p><b>Chương 2: Sự cân bằng trong bố cục và nghiên cứu tạo hình trong hình họa</b></p> <p><b>2.1. Tính cân bằng trong bố cục</b></p> <p>2.1.1. Cân bằng của sự đăng đối</p> <p>2.1.2. Cân bằng hình thể, diện tích</p> <p>2.1.3. Cân bằng trọng lượng, màu sắc</p> <p>2.1.4. Cân bằng của nhịp điệu</p> <p><b>2.2. Nghiên cứu các hình thức tạo hình</b></p> <p>2.2.1. Tạo hình trên cơ sở hình mảng, đường nét</p> <p>2.2.2. Tạo hình trên cơ sở màu sắc</p> <p>2.2.3. Tạo hình trên cơ sở cách điệu hình, biến hình</p> <p><b>2.3. Phong cách trong tạo hình</b></p> <p>2.3.1. Phong cách trong bút pháp thể hiện</p> <p>2.3.2. Phong cách trong thể loại tạo hình</p> <p>2.3.3. Phong cách trong tư duy bố cục</p>	10	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Sử dụng hình minh họa
<p><b>Chương 3: Nghiên cứu vận dụng trong phương pháp thực hành bài hình họa toàn thân người (khỏa thân)</b></p>	10	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan

<b>3.1. Quan sát và nhận xét</b>		Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
3.1.1. Chọn góc vẽ - Xác định vị trí mẫu vẽ		
3.1.2. Xác định hướng tạo hình, phong cách		
3.1.3. Tìm bố cục chung thực hiện bài hình họa		
<b>3.2. Dựng hình</b>		
3.2.1. Phác nét kỹ hà từ chi tiết đến nâng cao		
3.2.2. Chính hình – tìm hệ thống sáng tối		
3.2.2. Tìm tương màu sắc lên mảng sáng tối lớn		
<b>3.3. Lên màu</b>		
3.3.1. Chủ sắc và sắc độ		
3.3.1. Lên sơn từ mỏng đến dày		
3.3.2. Lên màu từ nhạt đến đậm theo hệ thống sáng tối		
3.3.3. Lên tương quan đậm nhạt của mẫu và nền		
3.3.4. Lên tương quan nóng lạnh của màu sắc		
3.3.5. Điều chỉnh màu chủ đạo, độ nhấn		
<b>3.4. Hoàn chỉnh bài</b>	30	Thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình
3.4.1. Đánh giá hòa sắc, màu nhấn và trọng tâm bài vẽ		
3.4.2. Đánh giá tạo hình và phong cách tạo hình		
<b>3.5. Thực hành</b>		
3.5.1. Vẽ mẫu nữ khỏa thân chất liệu sơn dầu Kích thước vải bố: 70cm x 90cm		
3.5.2. Vẽ mẫu nữ khỏa thân (có vải nền) chất liệu sơn dầu Kích thước vải bố: 70cm x 90cm		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Triệu Khắc Lễ (2000), *Hình họa và điêu khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Tiến Hiếu (2004), *Giáo trình Giải phẫu tạo hình*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Huỳnh Phạm Hương Trang (2003), *Bí quyết vẽ sơn dầu*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

4. Đặng Xuân Cường (2004), *Luật xa gần*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Họa sĩ Uyên Huy (2009), *Màu sắc và phương pháp sử dụng*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 3 buổi
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng  
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0.;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3.;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN  
 TRANG TRÍ 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Trang trí 3
- Mã học phần: 817303
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: (Lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(15,0,0,30)
- Trình độ đào tạo: Đại học; Cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Trang trí 2 (817119)
  - + Đòi hỏi môn song hành: Không.
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Trang trí 3 cung cấp kiến thức trang trí ứng dụng, đặc biệt là nghệ thuật chữ trong học tập và cuộc sống.

**4. Mục tiêu học phần.**

- 4.1. Về kiến thức:
- SV có kiến thức cơ bản để phân biệt được sự giống nhau và khác nhau giữa Trang trí cơ bản và Trang trí ứng dụng.
  - SV có hiểu biết về tầm quan trọng của trang trí trong học tập, giảng dạy và đời sống xã hội
- 4.2. Về kỹ năng:
- SV nắm được đặc điểm chữ cơ bản, biết cách điều chỉnh và kẻ được khẩu hiệu.
  - SV vận dụng được chữ vào trang trí báo tường, bìa sách.
- 4.3. Về thái độ:
- SV biết tôn trọng những giá trị nghệ thuật về chữ.
  - SV có ý thức yêu quý sản phẩm mình tự trang trí và của những người xung quanh.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Những kiến thức chung</b>	5	
<b>1.1. Phân biệt Trang trí cơ bản và Trang trí ứng</b>		Thuyết trình, thảo

<b>dụng</b>		luận nhóm, trình chiếu PowerPoint, minh họa bảng, bài mẫu
1.1.1. Trang trí cơ bản		
1.1.2. Trang trí ứng dụng		
<b>1.2. Vai trò của trang trí ứng dụng trong giáo dục ở trường phổ thông và đời sống xã hội</b>		
<b>Chương 2: Phương pháp trang trí báo tường</b>		5
<b>2.1. Khái niệm</b>		
2.1.1. Vài nét các loại báo		
2.1.2. Trang trí báo tường		
<b>2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Báo tường</b>		
2.2.1. Chức năng thông tin		
2.2.2. Chức năng tuyên truyền		
2.2.3. Chức năng giáo dục		
<b>2.3. Bộ cục Báo tường</b>		
2.3.1. Bộ cục, Trang trí đầu Báo tường		
2.3.2. Bộ cục, Trang trí các bài Báo tường		
<b>2.4. Thực hành</b> - Trang trí một tờ Báo tường, chủ đề tự chọn - Khổ bài: 50cmx70cm	15	Thực hành, kiểm tra
<b>Chương 3: Phương pháp trang trí bìa sách</b>		5
<b>3.1. Khái niệm</b>		
3.1.1. Trang trí Bìa sách		
3.1.2. Đặc điểm, tính chất các loại Bìa sách và cách trình bày.		
<b>3.2. Bộ cục bìa sách</b>		
3.2.1. Phần chữ		
3.2.2. Phần trang trí, minh họa		
3.2.3. Phân tích một số cách bố cục bìa sách		
<b>3.3. Thực hành</b> - Trang trí một Bìa sách. - Chủ đề : tự chọn sách Văn học, Thơ, Thiểu nhi, sách Giáo khoa	15	Thực hành. Kiểm tra đánh giá quá trình

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Nhật Lệ (1987), *Chữ và phương pháp trình bày*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
2. Nguyễn Thế Hùng (cb), Nguyễn Thị Nhung (1998), *Trang trí*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

3. Tạ Phương Thảo (1997), *Trang trí*, ĐHSP Nghệ thuật, Hà Nội.  
6.2. Tài liệu khác: không có

**7. Cách đánh giá học phần.**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.  
7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ  
7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.  
7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:  
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;  
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;  
- Điểm kết thúc học phần (hệ số phải hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0.6;  
7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh

ThS. Nguyễn Tất Mão

ThS.Võ Thị Nguyên

**HỌC PHẦN  
TRANG TRÍ 4**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Trang trí 4
- Mã học phần: 817304
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: (Lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(15,0,0,30)
- Trình độ đào tạo: Đại học; cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Trang trí 3 (817303)
  - + Đòi hỏi môn song hành: Không.
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Trang trí 4 cung cấp kiến thức trang trí ứng dụng trong học tập và cuộc sống.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- Sinh viên có kiến thức về những nguyên tắc bố cục cơ bản trong các bài trang trí ứng dụng: hội trường, lều trại.
- Sinh viên có hiểu biết về tầm quan trọng của trang trí ứng dụng trong học tập, giảng dạy, đời sống xã hội.

4.2. Về kỹ năng:

- Sinh viên nắm được cách sắp xếp bố cục trong trang trí hội trường, lều trại.
- Sinh viên thiết kế được những bài trang trí ứng dụng phục vụ giảng dạy và tham gia phong trào trong xã hội.

4.3. Về thái độ:

- Sinh viên biết thể hiện lòng đam mê nghệ thuật.
- Sinh viên có ý thức yêu quý sản phẩm mình tự trang trí và của những người xung quanh.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Phương pháp trang trí lều trại</b>	7	Thuyết trình, thảo luận nhóm, trình chiếu PowerPoint, minh họa bằng, bài mẫu.
<b>1.1. Hình thức tổ chức Trại</b>		
<b>1.2. Cách bố cục trang trí Trại</b>		
1.2.1. Trang trí công trại		
1.2.1.1. Cách sắp xếp bố cục		
1.2.1.2 Thành phần, vật liệu sử dụng trang trí		
1.2.1.3. Phương pháp tiến hành trang trí		
1.2.2. Trang trí lều trại		
1.2.2.1. Cách sắp xếp bố cục		
1.2.2.2. Thông tin cần trang trí trên lều		
<b>1.3. Bài tập:</b> Thiết kế một mô hình trại gồm có khuôn viên, công trại, lều trại Chủ đề, chất liệu tự chọn	15	Thực hành theo nhóm Hướng dẫn trực quan
<b>Chương 2. Phương pháp trang trí hội trường</b>	8	
<b>2.1. Khái niệm Hội trường</b>		
<b>2.2. Đặc điểm, tính chất của Hội trường</b>		
2.2.1. Phân loại hội trường		
2.2.2. Đặc điểm, tính chất của từng loại hội trường		
<b>2.3. Cách Bố cục trang trí Hội trường</b>		
2.3.1. Phần chính: Chữ chủ đề, biểu trưng, họa tiết trang trí...		
2.3.2. Phần phụ: phong màn, bục, cây bông, ánh sáng...		
<b>2.4. Thực hành</b> Thiết kế trang trí một Hội trường - Khổ giấy 40cmx70cm - Loại, chủ đề hội trường: tự chọn	15	Thực hành kiểm tra Đánh giá quá trình

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Thị Nhung, Phạm Ngọc Tới, *Sách Trang trí*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Tạ Phương Thảo (1997), *Giáo trình Trang trí*, ĐHSP Nghệ thuật, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác: không có

## 7. Cách đánh giá học phần.

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ



7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm kết thúc học phần (hệ số phải hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH                      TRƯỞNG BỘ MÔN                      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh

ThS. Nguyễn Tất Mão

ThS. Võ Thị Nguyên

**HỌC PHẦN  
 BỐ CỤC 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Bố cục 1
- Mã học phần: 817104
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Bố cục 1 là môn học nghiên cứu về các hình thức, quy luật và sự cân bằng trong bố cục. Vận dụng các nguyên tắc và quy luật bố cục vào quy trình sáng tác, bước đầu xây dựng nền tảng tạo hình cho việc sáng tác tác phẩm hội họa.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- SV hiểu được các hình thức bố cục
- SV biết vận dụng ngôn ngữ tạo hình xây dựng bố cục
- SV biết bố cục một tranh tĩnh vật chất liệu.

4.2. Về kỹ năng

- SV xây dựng được bố cục tạo hình cơ bản
- SV đơn giản hóa, cách điệu và sắp xếp được các yếu tố tạo hình trong một bố cục chân dung và tĩnh vật cách điệu bằng các chất liệu trong cuộc sống.
- SV có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào môn Bố cục 2.

4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc, có sự say mê, hứng thú tìm tòi bố cục.
- Cảm nhận vẻ đẹp của nhịp điệu trong tạo hình.
- Yêu mến thiên nhiên, cuộc sống.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Khái quát chung</b>	5	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>1.1. Khái niệm bố cục</b>		
<b>1.2. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức trong bố cục tranh</b>		
1.2.1. Nội dung		
1.2.2. Hình thức		
<b>1.3. Các yếu tố tạo hình trong bố cục</b>		
1.3.1. Đường nét và sự vận động của đường nét		
1.3.2. Hình mảng - Hình khối và sự vận động của hình, hình khối		
1.3.3. Màu sắc - sự hòa hợp và sự vận động của màu sắc		
1.3.4. Sự phối hợp các yếu tố tạo hình trong bố cục		
1.3.5. Tính cân bằng của các yếu tố tạo hình trong bố cục		
1.3.6. Nguyên lý thị giác trong bố cục		
<b>Chương 2: Các hình thức bố cục tranh</b>		
<b>2.1. Một số hình thức bố cục tranh</b>		
2.1.1. Bố cục đăng đối (đối xứng tâm - đối xứng trục)		
2.1.2. Bố cục bất đăng đối (vận dụng sự cân bằng của các yếu tố tạo hình)		
2.1.3. Bố cục theo các hình, khối cơ bản		
2.1.4. Bố cục theo tỷ lệ vàng		
2.1.5. Bố cục nhịp điệu		
2.1.6. Bố cục theo sự tương phản, đối lập		
2.1.7. Bố cục quan điểm thấu thị (Thấu thị phục hưng, tam viễn Á Đông, bình đồ, tàu mã ...)		
<b>2.2. Một số điểm cần nhấn mạnh trong bố cục tranh.</b>		
2.2.1. Tính cân bằng trong cách sắp xếp bố cục		
2.2.2. Nhịp điệu, đậm nhạt, ánh sáng, màu sắc.		
2.2.3. Điểm nhấn và trọng tâm		
2.2.4. Một số điều cần tránh trong bố cục		
<b>Chương 3: Phương pháp xây dựng bố cục tranh</b>	5	GV diễn giảng, phân

<b>3.1. Nội dung – chủ đề</b>		tích. Hướng dẫn trực quan
3.1.1. Nghiên cứu lựa chọn nội dung – chủ đề		
3.1.2. Tìm tư liệu phù hợp nội dung		
<b>3.2. Sắp xếp bố cục</b>		
3.2.1. Phác thảo		
3.2.2. Lựa chọn hình thức		
3.2.3. Cân bằng các mảng chính phụ		
3.2.4. Tìm độ đậm nhạt và nhịp điệu		
<b>3.3. Phác thảo màu</b>		
3.3.1. Tương quan sắc độ và màu		
3.3.2. Tìm hòa sắc		
<b>3.4. Thể hiện bài</b>		
3.4.1. Phóng hình		
3.4.2. Sơ phác		
3.4.3. Chỉnh hình, vẽ chi tiết		
3.4.4. Lên màu		
3.4.5. Điềm nhấn và trọng tâm bố cục		
<b>3.5. Thực hành</b>	30	Đánh giá Kiểm tra quá trình
Bố cục tranh chân dung (tranh chất liệu)		
Bố cục tranh tĩnh vật (tranh chất liệu)		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Lăng Bình (2003), *Ký họa*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội,
2. Đàm Luyện (2004), *Giáo trình bố cục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Nguyễn Hồng Hưng (2012), *nguyên lý design thị giác*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM.
4. Trần Văn Phú (1992)- *Nghiên cứu Bố cục*, NXB Mỹ thuật, 1992

### 6.2. Tài liệu khác

5. Đặng Xuân Cường (2004), *Luật xa gần*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: hai lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .... tháng .... năm 2016*

**DUYỆT                    TRƯỞNG NGÀNH    TRƯỞNG BỘ MÔN    NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Nguyễn Tất Mão

**HỌC PHẦN  
 BỐ CỤC 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Bố cục 2
- Mã học phần: 817105
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (15; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Bố cục 1 (817104)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 30

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Bố cục 2 là môn học nghiên cứu sự sắp xếp các yếu tố tạo hình trong bố cục tranh theo chủ đề phong cảnh và sinh hoạt. Hoàn thiện phương pháp bố cục tranh nhằm phát huy tính sáng tạo trong việc sáng tác tác phẩm ở những học phần chuyên ngành tiếp theo.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Hoàn thiện kiến thức về bố cục và phương pháp bố cục tranh.
- Nắm vững phương pháp xây dựng tranh phong cảnh và sinh hoạt.
- Nắm bắt cái đẹp trong thiên nhiên và sinh hoạt của con người.
- Biết truyền đạt nội dung, tình cảm qua hình thức bố cục

4.2. Về kỹ năng

- SV có khả năng ký họa sâu phong cảnh và nhóm sinh hoạt, đồ vật...làm tư liệu
- SV có khả năng xây dựng bố cục tranh theo chủ đề
- SV có khả năng xây dựng bố cục tranh cân đối hài hòa
- SV có khả năng đơn giản và cách điệu và sắp xếp các yếu tố tạo hình trong một bố cục phong cảnh và sinh hoạt.

4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc, say mê, hứng thú tìm tòi bố cục đẹp, lạ.
- Cảm nhận về đẹp của thiên nhiên, con người.
- Yêu mến thiên nhiên, cuộc sống.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Phương pháp xây dựng bố cục tranh phong cảnh</b>	7	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>1.1. Khái quát chung</b>		
<b>1.2. Phương pháp bố cục</b>		
1.2.1. Nội dung – chủ đề		
1.2.1.1. Lựa chọn phong cảnh		
1.2.1.2. Cắt cảnh, ký họa tư liệu		
1.2.2. Sắp xếp bố cục		
1.2.2.1. Phác thảo		
1.2.2.2. Chọn bố cục, sắp xếp mảng		
1.2.2.3. Cân bằng các mảng chính phụ		
1.2.3.4. Tìm độ đậm nhạt và nhịp điệu		
1.2.3. Phác thảo màu		
1.2.3.1. Tương quan sắc độ và màu		
1.2.3.2. Tìm hòa sắc		
1.2.4. Thể hiện bài		
1.2.4.1. Sơ phác		
1.2.4.2. Phóng hình		
1.2.4.3. Chính hình, vẽ chi tiết		
1.2.4.4. Lên màu		
1.2.4.5. Điểm nhấn và trọng tâm bố cục		
<b>1.3. Thực hành</b> Thực hành bố cục một tranh phong cảnh (sơn dầu)	15	GV thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan Kiểm tra, đánh giá quá trình
<b>Chương 2: Phương pháp xây dựng bố cục tranh sinh hoạt</b>	8	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Minh họa hình ảnh. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>2.1. Khái quát chung</b>		
2.1.1. Tranh sinh hoạt là gì		
2.1.2. Thế nào là một bố cục sinh hoạt sinh động		
<b>2.2. Phương pháp bố cục</b>		

2.2.1. Nội dung – chủ đề		
2.2.1.1. Lựa chọn nội dung sinh hoạt		
2.2.1.2. Ký họa tư liệu		
2.2.2. Sắp xếp bố cục		
2.2.2.1 Phác thảo		
2.2.2.2. Chọn bố cục, sắp xếp mảng		
2.2.2.3. Cân bằng các mảng chính phụ		
2.2.2.4. Tìm độ đậm nhạt và nhịp điệu		
2.2.3. Phác thảo màu		
2.2.3.1. Tương quan sắc độ và màu		
2.2.3.2. Tìm hòa sắc		
2.2.4. Thể hiện bài		
2.2.4.1. Sơ phác		
2.2.4.2. Phóng hình		
2.2.4.3. Chính hình, vẽ chi tiết		
2.2.4.4. Lên màu		
2.2.4.5. Điểm nhấn, trọng tâm và nhịp điệu của bố cục		
<b>2.3. Thực hành</b> Thực hành một bố cục tranh sinh hoạt chủ đề học tập (sơn dầu) hoặc một bố cục tranh sinh hoạt chủ đề lao động sản xuất (sơn dầu)	15	GV thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan  Đánh giá Kiểm tra học phần

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Lăng Bình (2003), *Ký họa*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội,
2. Đàm Luyện (2004), *Giáo trình bố cục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Nguyễn Hồng Hưng (2012), *nguyên lý design thị giác*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, TP HCM.
4. Trần Văn Phú (1992)- *Nghiên cứu Bố cục*, NXB Mỹ thuật.

### 6.2. Tài liệu khác

5. Đặng Xuân Cường (2004), *Luật xa gần*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Lê Huy Văn - Trần Từ Thành (2010), *Cơ sở tạo hình*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: hai lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;



- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .... tháng .... năm 2016*

**DUYỆT                    TRƯỞNG NGÀNH    TRƯỞNG BỘ MÔN    NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Nguyễn Tất Mão

**HỌC PHẦN  
 SÁNG TÁC 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Sáng tác 1
- Mã học phần: 817064
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Sáng tác 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý sáng tạo tác phẩm nghệ thuật bằng ngôn ngữ hội họa, nghiên cứu về sự hình thành tư duy tạo hình, bước đầu làm quen với các khái niệm, quy trình sáng tác thông qua kỹ năng thực hành từ các bài tập sáng tác cơ bản, tiến đến việc hoàn thành một tác phẩm mỹ thuật từ những chất liệu phế thải.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên hiểu các kiến thức cơ bản về nguyên lý thị giác và vai trò của thị giác trong nghệ thuật tạo hình;
- Sinh viên biết các kỹ thuật xử lý chất liệu để áp dụng vào trong sáng tạo nghệ thuật;
- Sinh viên áp dụng các phương pháp sáng tác tranh ở mức độ cơ bản, các phương pháp lập kế hoạch và triển khai ý tưởng trong sáng tác tranh.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản trong kinh nghiệm thị giác vào việc hình thành ý tưởng và sáng tạo ra tác phẩm mỹ thuật đơn giản;
- Sinh viên phân tích, chọn lọc và xử lý chất liệu để áp dụng vào thực hiện được một tác phẩm mỹ thuật đơn giản;
- Có kỹ năng phác thảo bằng tay làm cơ sở cho việc chuyển tải ý tưởng và hình thành tác phẩm.

4.3. Về thái độ

- Hình thành thái độ làm việc khoa học nghiêm túc, tôn trọng quá trình sáng tạo nghệ thuật của bản thân và của những người xung quanh;

- Biết trân trọng tác phẩm nghệ thuật.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Vai trò của Nguyên lý thị giác trong sáng tác</b>	5	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh)
<b>1.1. Vai trò của thị giác</b>		
1.1.1. Đặc điểm của tư duy thị giác		
1.1.2. Vai trò của thị giác trong xử lý hình ảnh		
<b>1.2. Tính biểu cảm của tín hiệu thị giác</b>		
1.2.1. Đường nét		
1.2.2. Hình, khối		
1.2.3. Màu sắc		
1.2.4. Bố cục		
<b>Chương 2: Kinh nghiệm quan sát cái đẹp từ thực tiễn</b>	5	
<b>2.1. Từ thực tiễn đến việc hình thành ý tưởng</b>		
2.1.1. Quan sát cảm nhận và tạo thói quen ghi chép hình ảnh từ thực tế		
2.1.3. Biến đổi sự liên hệ thực tế thông qua ngôn ngữ tạo hình		
2.1.4. Cảm xúc		
<b>2.2. Ý nghĩa của việc chọn góc nhìn</b>		
2.2.1. Góc nhìn thẳng		
2.2.2. Góc nhìn xiên		
2.2.3. Góc nhìn từ dưới lên		
2.2.4. Góc nhìn từ trên xuống		
<b>Chương 3: Chất liệu và tính biểu cảm của chất liệu</b>	5	
<b>3.1. Hình thái chất liệu trong hội họa</b>		
3.1.1. Chất liệu truyền thống		
3.1.2. Chất liệu hiện đại		
<b>3.2. Tính biểu cảm của chất liệu trong hội họa</b>		
3.2.1. Chất liệu truyền thống		
3.2.2. Chất liệu hiện đại		
3.2.3. Phối hợp chất liệu		
<b>Chương 4: Phương pháp thực hành sáng tạo</b>	5	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh), thực hành
<b>4.1. Chọn chủ đề</b>		
4.1.1. Phương pháp quan sát		
4.1.2. Chọn góc nhìn		
4.1.3. Ký họa và chọn lọc hình ảnh		

4.1.4. Ý nghĩa và nội dung của việc chọn chủ đề		
<b>4.2. Phác thảo bố cục theo chủ đề</b>	10	Thuyết trình, phân tích, hướng dẫn trực quan.
4.2.1. Phương pháp chọn lọc ký họa phù hợp với chủ đề		
4.2.2. Phương pháp phác thảo bố cục đen trắng		
4.2.3. Phương pháp phác thảo bố cục màu		
<b>4.3. Diễn họa chủ đề theo cảm xúc</b>	10	
4.3.1. Xu hướng lập thể		
4.3.2. Xu hướng biểu hiện		
4.3.3. Phương pháp chỉnh sửa bố cục đen trắng		
4.3.4. Phương pháp chỉnh sửa bố cục màu		
<b>4.4. Thực hiện tác phẩm bằng chất liệu tổng hợp</b>		Thuyết trình, phân tích, hướng dẫn trực quan.
4.4.1. Sáng tác tranh chủ đề tĩnh vật	10	
4.4.2. Sáng tác tranh chủ đề phong cảnh	10	Kiểm tra đánh giá

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Vương Hoàng Lục (1998), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Ocvirk - Stinson - Wigg - Bone - Cayton - Lê Thành dịch (2006), *Những nền tảng của mỹ thuật - Lý thuyết và thực hành*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Laurie Schneider Adams - Trần Văn Huân dịch (2006), *Khám phá thế giới mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
4. P. Fride & R. Carrasat & I. Marcade - Lê Thanh Lộc dịch (2009), *Các phong trào hội họa*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Nguyễn Phúc (2006), *Xem, hiểu và thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật tạo hình*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp.HCM.
6. Nguyễn Quân (2005), *Ngôn ngữ của hình và màu sắc*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Thực hành, thời gian làm bài: 3 buổi.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN  
 SÁNG TÁC 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Sáng tác 2
- Mã học phần: 817065
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Sáng tác 1 (817064)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Sáng tác 2, cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về không gian trong nghệ thuật tạo hình, phương pháp luận sáng tạo, các kỹ năng xử lý chất liệu trong nghệ thuật tạo hình, đặc biệt chú trọng kỹ năng vẽ tranh sơn dầu cơ bản để có thể tự sáng tác một tác phẩm hội họa.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên hiểu những kiến thức chuyên sâu về không gian trong nghệ thuật tạo hình;
- Sinh viên biết áp dụng các phương pháp sáng tác tranh;
- Sinh viên nắm vững phương pháp lập kế hoạch và triển khai ý tưởng trong sáng tác tranh, các nguyên lý về chất liệu hội họa, đặc biệt là chất liệu sơn dầu.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên vận dụng được những kiến thức chuyên sâu trong kinh nghiệm thị giác vào việc hình thành ý tưởng và sáng tạo ra tác phẩm mỹ thuật;
- Sinh viên phân tích, chọn lọc được tư liệu để xây dựng được bố cục tranh;
- Sinh viên phân tích, xử lý được chất liệu sơn dầu để áp dụng vào việc thực hiện một tác phẩm mỹ thuật;
- Sinh viên phác thảo được bằng tay làm cơ sở cho việc chuyển tải ý tưởng và hình thành tác phẩm.

4.3. Về thái độ

- Hình thành trong sinh viên thái độ làm việc khoa học nghiêm túc, biết tôn trọng quá trình sáng tạo nghệ thuật của những người xung quanh và của bản thân;
- Hứng thú với quá trình học và sáng tạo tác phẩm nghệ thuật;
- Biết trân quý tác phẩm nghệ thuật.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Chất liệu sơn dầu trong hội họa</b>	5	
<b>1.1. Lịch sử phát triển của chất liệu sơn dầu</b>		
1.1.1. Quá trình tìm ra chất liệu sơn dầu		
1.1.2. Vai trò của chất liệu sơn dầu trong hội họa		
<b>1.2. Khái quát chung về chất liệu sơn dầu trong hội họa</b>		
1.2.1. Tính chất, đặc điểm của tranh sơn dầu		
1.2.2. Tính biểu cảm của chất liệu sơn dầu	5	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh)
<b>Chương 2: Một số tác giả, tác phẩm hội họa sơn dầu tiêu biểu</b>		
<b>2.1. Hội họa sơn dầu thế giới</b>		
2.1.1. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu của hội họa Phục hưng		
2.1.2. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu của hội họa Ấn tượng		
2.1.3. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu của các phong trào hội họa phương Tây thế kỷ XX		
<b>2.2. Hội họa sơn dầu Việt Nam</b>	10	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh), thực hành
2.2.1. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu giai đoạn 1925 - 1975		
2.2.2. Tác giả, tác phẩm tiêu biểu giai đoạn 1975 - 2000		
<b>Chương 3: Kỹ thuật thể hiện chất liệu sơn dầu</b>	10	
<b>3.1. Kỹ thuật sơn dầu cổ điển</b>		
3.1.1. Kỹ thuật Flemish	10	
3.1.2. Kỹ thuật Venetian		
3.1.3. Kỹ thuật vẽ trực tiếp		
<b>3.2. Kỹ thuật sơn dầu hiện đại</b>	10	
3.2.1. Đổi mới kỹ thuật của Rembrandt		
3.2.2. Kỹ thuật vẽ tranh sơn dầu của các họa sỹ tiêu biểu thế kỷ XIX, XX	15	Thuyết trình, phân tích. Hướng dẫn trực quan. Kiểm tra đánh giá.
<b>Chương 4: Sáng tác tranh sơn dầu chủ đề sinh hoạt</b>		
<b>4.1. Phác thảo bố cục tranh</b>		
4.1.1. Ký họa dáng người trong sinh hoạt		
4.1.2. Phác thảo bố cục dựa trên các ký họa	15	
<b>4.2. Thể hiện tranh sơn dầu kích thước 60 x 80 (cm)</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. P. Fride & R. Carrasat & I. Marcade - Lê Thanh Lộc dịch (2009), *Các phong trào hội họa*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

2. Vương Hoằng Lực (1998), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
  3. Nguyễn Quân (1982), *Nghệ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
  4. Michael Levey - Huỳnh Văn Thanh dịch (2007), *Lịch sử nghệ thuật phương Tây*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
  5. Ocvirk - Stinson - Wigg - Bone - Cayton - Lê Thành dịch (2006), *Những nền tảng của mỹ thuật - Lý thuyết và thực hành*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
- 6.2. Tài liệu khác
6. Laurie Schneider Adams - Trần Văn Huân dịch (2006), *Khám phá thế giới mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
  7. Nguyễn Phúc (2006), *Xem, hiểu và thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật tạo hình*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp.HCM.
  8. Nguyễn Quân (2005), *Ngôn ngữ của hình và màu sắc*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Thực hành, thời gian làm bài: 3 buổi.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh



**HỌC PHẦN  
 SÁNG TÁC 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Sáng tác 3
- Mã học phần: 817066
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Sáng tác 2 (817065)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Sáng tác 3, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về không gian trong nghệ thuật tạo hình, phương pháp luận sáng tạo, các kỹ năng xử lý không gian trong nghệ thuật đương đại, bước đầu làm quen với phương tiện truyền thông, kỹ năng xử lý chất liệu để thực hành một tác phẩm nghệ thuật đương đại.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về không gian trong nghệ thuật tạo hình đương đại;
- Sinh viên biết các phương pháp cơ bản để sáng tác nghệ thuật đương đại, vận dụng các phương pháp để lập kế hoạch và triển khai ý tưởng trong sáng tác loại hình nghệ thuật Sắp đặt;
- Sinh viên hiểu vai trò của sự tương tác giữa nghệ sĩ với tác phẩm và giữa tác phẩm với người thưởng ngoạn.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên vận dụng được những kiến thức chuyên sâu trong kinh nghiệm thị giác, những phương pháp sáng tác cơ bản vào việc hình thành ý tưởng và sáng tạo ra tác phẩm nghệ thuật Sắp đặt;
- Sinh viên phân tích, xử lý được các chất liệu để thực hiện một tác phẩm nghệ thuật Sắp đặt đơn giản;
- Sinh viên phân tích, cảm thụ được các tác phẩm nghệ thuật đương đại.

4.3. Về thái độ

- Hình thành trong sinh viên thái độ làm việc khoa học nghiêm túc, nhất là trong sáng tác tác phẩm nghệ thuật, biết tôn trọng quá trình sáng tạo của những người xung quanh và của bản thân;

- Hứng thú với quá trình học và sáng tạo nghệ thuật;

- Biết trân quý tác phẩm nghệ thuật.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Khái quát về nghệ thuật đương đại</b>	10	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh), thảo luận
<b>1.1. Tìm hiểu chung về nghệ thuật đương đại</b>		
1.1.1. Sự hình thành và phát triển nghệ thuật đương đại		
1.1.2. Một số khuynh hướng của nghệ thuật đương đại		
<b>1.2. Lịch sử nghệ thuật đương đại thế giới và nghệ thuật đương đại Việt Nam</b>		
1.2.1. Lịch sử nghệ thuật đương đại thế giới		
1.2.2. Lịch sử nghệ thuật đương đại Việt Nam		
<b>Chương 2: Loại hình nghệ thuật Sắp đặt</b>	10	
<b>2.1. Đặc điểm của nghệ thuật Sắp đặt</b>		
<b>2.2. Không gian trong nghệ thuật Sắp đặt</b>		
<b>Chương 3: Thực hành xây dựng tác phẩm nghệ thuật Sắp đặt</b>	10	Thuyết trình, minh họa bằng (PowerPoint, hình ảnh), thực hành
<b>3.1. Chọn chủ đề</b>		
3.1.1. Tìm chọn nội dung chủ đề		
3.1.2. Phác họa tác phẩm bằng hình vẽ		
3.1.3. Lựa chọn hình thức thể hiện		
<b>3.2. Chọn chất liệu</b>		
3.2.1. Phân tích tính chất vật lý của chất liệu		
3.2.2. Lựa chọn dựa trên tính biểu cảm của chất liệu		
<b>3.3. Các phương tiện hỗ trợ khác</b>		
3.3.1. Các phương tiện truyền thống		
3.3.2. Các phương tiện kỹ thuật số		
<b>3.4. Thực hành xây dựng một tác phẩm nghệ thuật Sắp đặt trong diện tích dưới 10m<sup>2</sup></b>	30	Hướng dẫn trực quan. Kiểm tra đánh giá.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Lê Thanh Đức (1998), *Nghệ thuật Mô-đec và hậu Mô-đec*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
- Lê Văn Huy, Trần Từ Thành (2000), *Cơ sở tạo hình*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

3. Bùi Như Hương, Phạm Trung (2013), *Nghệ thuật đương đại Việt Nam 1990 - 2010*, NXB Tri thức, Hà Nội.
4. Vương Hoàng Lục (1998), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

#### 6.2. Tài liệu khác

5. Laurie Schneider Adams - Trần Văn Huân dịch (2006), *Khám phá thế giới mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
6. Nguyễn Phúc (2006), *Xem, hiểu và thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật tạo hình*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP.HCM.
7. Nguyễn Quân (2005), *Ngôn ngữ của hình và màu sắc*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Thực hành, thời gian làm bài: 3 buổi
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0.;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN  
 SÁNG TÁC 4**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Sáng tác 4
- Mã học phần: 817106
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Sáng tác 3 (817066)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Sáng tác 4, cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về không gian trong nghệ thuật đương đại, thực hành sáng tạo nghệ thuật với phương tiện truyền thông, vận dụng thuần thực kỹ năng xử lý hình ảnh và chất liệu để sáng tác một tác phẩm Video Art và Tranh decor.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên hiểu những kiến thức chuyên sâu về không gian trong nghệ thuật tạo hình đương đại;
- Sinh viên biết các phương pháp cơ bản để sáng tác nghệ thuật đương đại, vận dụng các phương pháp để lập kế hoạch và triển khai ý tưởng trong sáng tác loại hình nghệ thuật Video Art;
- Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học về tranh chất liệu, tranh sơn dầu để sáng tác Tranh decor;
- Sinh viên hiểu vai trò của sự tương tác giữa nghệ sĩ với tác phẩm và giữa tác phẩm với người thưởng ngoạn; tác động của các loại hình nghệ thuật đương đại đối với cuộc sống.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên vận dụng được những kiến thức chuyên sâu trong kinh nghiệm thị giác, những phương pháp sáng tác vào việc hình thành ý tưởng và sáng tạo ra tác phẩm Video Art;
- Sinh viên phân tích, xử lý được các hình ảnh để thực hiện một tác phẩm nghệ thuật Video Art; phối hợp được các kỹ năng xử lý chất liệu, xử lý hình ảnh để sáng tác một tác phẩm Tranh decor;

- Sinh viên phân tích, cảm thụ được các tác phẩm nghệ thuật đương đại.

#### 4.3. Về thái độ

- Hình thành trong sinh viên thái độ làm việc khoa học nghiêm túc, nhất là trong sáng tác tác phẩm nghệ thuật, biết tôn trọng quá trình sáng tạo của những người xung quanh và của bản thân;

- Hứng thú với quá trình học và sáng tạo nghệ thuật;

- Biết trân quý tác phẩm nghệ thuật.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Khái quát về Video Art</b>	10	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh)
<b>1.1. Tìm hiểu chung về Video Art</b>		
1.1.1. Lịch sử hình thành của Video Art		
1.1.2. Video Art trên thế giới và tại Việt Nam		
1.1.3. Sự khác nhau giữa Video Art và Điện ảnh		
<b>1.2. Yêu cầu của Video Art</b>		
1.2.1. Yêu cầu về các giá trị trong Video Art		
1.2.2. Yêu cầu về các hình thức của Video Art		
<b>Chương 2: Khái quát về Tranh decor</b>	10	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh)
<b>2.1. Đặc điểm của Tranh decor</b>		
2.1.1. Vai trò của Tranh decor trong thiết kế nội thất		
2.1.2. Sự khác nhau giữa Tranh decor và Tranh nghệ thuật		
<b>2.2. Hình thức của Tranh decor</b>		
2.2.1. Các chủ đề phổ biến trong Tranh decor		
2.2.2. Các chất liệu phổ biến trong Tranh decor		
<b>Chương 3: Thực hành sáng tạo tác phẩm Video Art và Tranh decor</b>	10	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh)
<b>3.1. Video Art</b>		
3.1.1. Tìm chọn nội dung chủ đề		
3.1.2. Chọn lọc hình ảnh làm rõ nội dung chủ đề		
3.1.3. Lựa chọn góc quay, vị trí, bối cảnh và các phương tiện hỗ trợ khác	15	Hướng dẫn trực quan
3.1.4. Thực hành sáng tạo một tác phẩm Video Art có thời lượng từ 5 - 15 (phút)		
<b>3.2. Tranh decor</b>	15	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh)
3.2.1. Tìm chọn nội dung chủ đề phù hợp với không gian thiết kế nội thất		

3.2.2. Lựa chọn chất liệu phù hợp với nội dung chủ đề		
3.2.3. Thực hành sáng tạo một tác phẩm Tranh decor kích thước 60 x 80 (cm)		Hướng dẫn trực quan. Kiểm tra đánh giá

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Lê Thanh Đức (1998), *Nghệ thuật Mô-đec và hậu Mô-đec*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
2. Lê Văn Huy, Trần Từ Thành (2000), *Cơ sở tạo hình*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
3. Bùi Như Hương, Phạm Trung (2013), *Nghệ thuật đương đại Việt Nam 1990 - 2010*, NXB Tri thức, Hà Nội.
4. Vương Hoàng Lục (1998), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

5. Laurie Schneider Adams - Trần Văn Huân dịch (2006), *Khám phá thế giới mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
6. Nguyễn Phúc (2006), *Xem, hiểu và thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật tạo hình*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp.HCM.
7. Nguyễn Quân (2005), *Ngôn ngữ của hình và màu sắc*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 3 buổi
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN**  
**THỰC HÀNH SƯ PHẠM 1Đ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm 1Đ
- Mã học phần: 817107
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Thực hành sư phạm 1Đ cung cấp cho sinh viên kỹ năng thiết kế kế hoạch dạy học các phân môn Mỹ thuật; thiết kế đồ dùng dạy học sử dụng trong quá trình tổ chức dạy học Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở (THCS).

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên hiểu cơ bản về nội dung và mục tiêu của phương pháp tổ chức dạy học Mỹ thuật tại trường trung học cơ sở;
- Sinh viên biết quy trình thiết kế kế hoạch dạy học ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên biết thiết kế đồ dùng dạy học sử dụng trong các phân môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên thiết kế được kế hoạch dạy học các phân môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên thiết kế được đồ dùng dạy học phù hợp với quá trình tổ chức dạy học các phân môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên vận dụng được kế hoạch dạy học và đồ dùng dạy học vào quá trình tổ chức dạy học Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên nhận thức đúng vai trò của môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên tôn trọng và yêu mến nghề dạy học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Thiết kế kế hoạch dạy học phân môn Vẽ theo mẫu</b>	8	Minh họa, thảo luận, thực hành
<b>1.1. Cấu trúc bài dạy phân môn Vẽ theo mẫu</b>		
<b>1.2. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học phân môn Vẽ theo mẫu</b>		
1.2.1. Thiết kế kế hoạch dạy học		
1.2.2. Thiết kế đồ dùng dạy học		
<b>2. Thiết kế kế hoạch dạy học phân môn Vẽ tranh</b>	8	
<b>2.1. Cấu trúc bài dạy phân môn Vẽ tranh</b>		
<b>2.2. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học phân môn Vẽ tranh</b>		
2.2.1. Thiết kế kế hoạch dạy học		
2.2.2. Thiết kế đồ dùng dạy học		
<b>3. Thiết kế kế hoạch dạy học phân môn Vẽ trang trí</b>	8	Minh họa, thảo luận, thực hành
<b>3.1. Cấu trúc bài dạy phân môn Vẽ trang trí</b>		
<b>3.2. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học phân môn Vẽ trang trí</b>		
3.2.1. Thiết kế kế hoạch dạy học		
3.2.2. Thiết kế đồ dùng dạy học		
<b>4. Thiết kế kế hoạch dạy học phân môn Thường thức Mỹ thuật</b>	6	
<b>4.1. Cấu trúc bài dạy phân môn Thường thức Mỹ thuật</b>		
<b>4.2. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học phân môn Thường thức Mỹ thuật</b>		
4.2.1. Thiết kế kế hoạch dạy học		
4.2.2. Thiết kế đồ dùng dạy học		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Đàm Luyện, Bạch Ngọc Diệp, Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học môn Mỹ thuật Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Nguyễn Quốc Toàn (2007), *Tài liệu phương pháp giảng dạy Mỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- Ứng Thị Châu (2000), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.



4. Trần Tuyết Oanh (2000), *Giáo trình giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên  
 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ  
 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi, đánh giá bằng các bài tập thực hành trên lớp.  
 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng  
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;  
 - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;  
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;  
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.9;  
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.0  
 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Cao Minh Hồng Hạnh

**HỌC PHẦN**  
**THỰC HÀNH SƯ PHẠM 2Đ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm 2Đ
- Mã học phần: 817108
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm 1Đ (817107)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Thực hành sư phạm 2Đ cung cấp cho sinh viên kỹ năng tổ chức dạy học các phân môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên biết về nội dung và mục tiêu của phương pháp tổ chức dạy học Mỹ thuật tại trường trung học cơ sở;
- Sinh viên biết về trình bày đồ dùng dạy học sử dụng trong tổ chức dạy học Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên tổ chức được tiết dạy các phân môn Mỹ thuật;
- Sinh viên trình bày đồ dùng dạy học có thẩm mỹ, phù hợp với quá trình tổ chức dạy học các phân môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên nhận thức đúng vai trò của môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên tôn trọng và yêu mến nghề dạy học.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Tổ chức dạy học phân môn Vẽ theo mẫu</b>	8	

<b>1.1. Thực hiện giảng tập</b>		
1.1.1. Chuẩn bị		
1.1.2. Giảng tập		
<b>1.2. Đánh giá giờ giảng tập</b>		
1.2.1. Nội dung đánh giá		
1.2.2. Hình thức đánh giá		
<b>2. Tổ chức dạy học phân môn Vẽ tranh</b>		
<b>2.1. Thực hiện giảng tập</b>		
2.1.1. Chuẩn bị		
2.1.2. Giảng tập	8	
<b>2.2. Đánh giá giờ giảng tập</b>		
2.2.1. Nội dung đánh giá		
2.2.2. Hình thức đánh giá		
<b>3. Tổ chức dạy học phân môn Vẽ trang trí</b>		
<b>3.1. Thực hiện giảng tập</b>		
3.1.1. Chuẩn bị		
3.1.2. Giảng tập	8	Thực hành, thảo luận
<b>3.2. Đánh giá giờ giảng tập</b>		
3.2.1. Nội dung đánh giá		
3.2.2. Hình thức đánh giá		
<b>4. Tổ chức dạy học phân môn Thường thức Mỹ thuật</b>		
<b>4.1. Thực hiện giảng tập</b>		
4.1.1. Chuẩn bị		
4.1.2. Giảng tập	6	
<b>4.2. Đánh giá giờ giảng tập</b>		
4.2.1. Nội dung đánh giá		
4.2.2. Hình thức đánh giá		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Đàm Luyện, Bạch Ngọc Diệp, Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học môn Mỹ thuật Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Nguyễn Quốc Toàn (2007), *Tài liệu phương pháp giảng dạy Mỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- Ứng Thị Châu (2000), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

4. Trần Tuyết Oanh (2000), *Giáo trình giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên  
 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ  
 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi, đánh giá bằng các bài tập thực hành trên lớp.  
 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng  
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;  
 - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;  
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;  
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.9;  
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.0  
 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Cao Minh Hồng Hạnh

**HỌC PHẦN**  
**THỰC HÀNH SƯ PHẠM 3Đ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm 3Đ
- Mã học phần: 817109
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm 2Đ (817108)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Thực hành sư phạm 3Đ cung cấp cho sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học các phân môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên biết về nội dung và mục tiêu của phương pháp tổ chức dạy học Mỹ thuật tại trường trung học cơ sở;
- Sinh viên biết về thiết kế bài dạy Mỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên biết vai trò và sự cần thiết của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên thiết kế được bài dạy các phân môn Mỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên tổ chức được một tiết dạy Mỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên nhận thức đúng vai trò của môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên đánh giá đúng vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Mỹ thuật;
- Sinh viên tôn trọng và yêu mến nghề dạy học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học phân môn Vẽ theo mẫu</b>	8	
<b>1.1. Chuẩn bị bài dạy</b>		
1.1.1. Thiết kế kế hoạch dạy học		
1.1.2. Thiết kế đồ dùng dạy học		
<b>1.2. Thực hành thiết kế bài dạy ứng dụng công nghệ thông tin phân môn Vẽ theo mẫu</b>		
<b>1.3. Giảng tập</b>		
1.3.1. Yêu cầu		
1.3.2. Cách tiến hành		
<b>2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học phân môn Vẽ tranh</b>	8	Minh họa, thảo luận, thực hành
<b>2.1. Chuẩn bị bài dạy</b>		
2.1.1. Thiết kế kế hoạch dạy học		
2.1.2. Thiết kế đồ dùng dạy học		
<b>2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học phân môn Vẽ tranh</b>		
<b>2.3. Giảng tập</b>		
2.3.1. Yêu cầu		
2.3.2. Cách tiến hành		
<b>3. Ứng dụng công nghệ thông tin phân môn Vẽ trang trí</b>	8	
<b>3.1. Chuẩn bị bài dạy</b>		
3.1.1. Thiết kế kế hoạch dạy học		
3.1.2. Thiết kế đồ dùng dạy học		
<b>3.2. Thực hành thiết kế bài dạy ứng dụng công nghệ thông tin phân môn Vẽ trang trí</b>		
<b>3.3. Giảng tập</b>		
3.3.1. Yêu cầu		
3.3.2. Cách tiến hành		
<b>4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học phân môn Thường thức Mỹ thuật</b>	6	
<b>4.1. Chuẩn bị bài dạy</b>		

4.1.1. Thiết kế kế hoạch dạy học	Minh họa, thảo luận, thực hành
4.1.2. Thiết kế đồ dùng dạy học	
<b>4.2. Thực hành thiết kế bài dạy ứng dụng công nghệ thông tin phân môn Thường thức Mỹ thuật</b>	
<b>4.3. Giảng tập</b>	
4.3.1. Yêu cầu	
4.3.2. Cách tiến hành	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Đàm Luyện, Bạch Ngọc Diệp, Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học môn Mỹ thuật Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Quốc Toàn (2007), *Tài liệu phương pháp giảng dạy Mỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Ứng Thị Châu (2000), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Trần Tuyết Oanh (2000), *Giáo trình giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi, đánh giá bằng các bài tập thực hành trên lớp.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.9;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.0

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh

ThS. Nguyễn Tất Mão

ThS. Cao Minh Hồng Hạnh

**HỌC PHẦN**  
**THỰC HÀNH SƯ PHẠM 4Đ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm 4Đ
- Mã học phần: 817110
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm 3Đ (817109)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Thực hành sư phạm 4Đ cung cấp cho sinh viên kỹ năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở (THCS).

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Sinh viên biết quá trình chuẩn bị và tổ chức các hoạt động ngoại khóa Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên tổ chức được các hoạt động ngoại khóa Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên nhận thức vai trò của hoạt động ngoại khóa Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên tôn trọng và yêu mến nghề dạy học.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Khái quát về hoạt động ngoại khóa Mỹ thuật ở trường Phổ thông</b>	10	Minh họa, thảo luận, thực hành
<b>1.1. Khái niệm</b>		



<b>1.2. Các hình thức hoạt động ngoại khóa</b>		
<b>2. Phương pháp tổ chức các hoạt động ngoại khóa Mĩ thuật tại trường THCS</b>	10	Minh họa, thảo luận, thực hành
<b>2.1. Tổ chức hoạt động ngoại khóa tại lớp</b>		
<b>2.2. Tổ chức hoạt động ngoại khóa tại trường</b>		
<b>2.3. Tổ chức hoạt động ngoại khóa ngoài trường học</b>		
<b>3. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động ngoại khóa Mĩ thuật</b>	10	Thực hành
<b>3.1. Chuẩn bị</b>		
<b>3.2. Tổ chức hoạt động</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Đàm Luyện, Bạch Ngọc Diệp, Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học môn Mỹ thuật Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Quốc Toàn (2007), *Tài liệu phương pháp giảng dạy Mỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2 Tài liệu khác

3. Ứng Thị Châu (2000), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Trần Tuyết Oanh (2000), *Giáo trình giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi, đánh giá bằng các bài tập thực hành trên lớp.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.9;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.0

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT            TRƯỞNG NGÀNH    TRƯỞNG BỘ MÔN    NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Cao Minh Hồng Hạnh

**HỌC PHẦN**  
**THỰC HÀNH SƯ PHẠM 5Đ**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành sư phạm 5Đ
- Mã học phần: 817110
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Thực hành sư phạm 4Đ (817110)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Thực hành sư phạm 5Đ rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức dạy học cách thuận thực trong thực tiễn dạy học các phân môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên hiểu về nội dung và mục tiêu của phương pháp tổ chức dạy học Mỹ thuật tại trường trung học cơ sở;
- Sinh viên hiểu về tổ chức dạy học Mỹ thuật trong thực tiễn ở trường trung học cơ sở.

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên tổ chức thành thạo quá trình dạy học các phân môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên nhận thức đúng vai trò của môn Mỹ thuật ở trường trung học cơ sở;
- Sinh viên tôn trọng và yêu mến nghề dạy học.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
--------------------------------	---------	--

<b>1. Giảng tập tại trường Trung học cơ sở</b>	20	Thực hành
<b>1.1. Yêu cầu</b>		
<b>1.2. Phân bài giảng tập</b>		
<b>2. Tổng kết, đánh giá kết quả giảng tập tại trường Trung học cơ sở</b>	10	Thảo luận, thực hành
<b>2.1. Tổng kết kết quả giảng tập</b>		
<b>2.2. Rút kinh nghiệm - đánh giá</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Đàm Luyện, Bạch Ngọc Diệp, Nguyễn Quốc Toàn (2008), *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học môn Mỹ thuật Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Nguyễn Quốc Toàn (2007), *Tài liệu phương pháp giảng dạy Mỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- Ứng Thị Châu (2000), *Mỹ thuật và phương pháp dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Trần Tuyết Oanh (2000), *Giáo trình giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi, đánh giá bằng các bài tập thực hành trên lớp.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.9;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.0

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh

ThS. Nguyễn Tất Mão

ThS. Cao Minh Hồng Hạnh

**HỌC PHẦN  
 HÌNH HỌA 7**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Hình họa 7
- Mã học phần: 817120
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Hình họa 6 (817061)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

- Hình họa 7 là môn học cung cấp những kiến thức về tạo hình, những phương pháp, thủ pháp, kỹ thuật sử dụng chất liệu sơn dầu nâng cao thông qua việc thực hành các bài tập hình họa toàn thân kết hợp với đồ vật.

- Môn học giúp hình thành tư duy thẩm mỹ, hiểu các khái niệm, quy trình sáng tác để hỗ trợ các học phần sáng tác.

- Giáo dục mỹ cảm về cái đẹp của con người trong cuộc sống.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- SV hiểu được phương pháp vẽ hình họa toàn thân người có quần áo và tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu.

- SV biết lựa chọn hình thức thể hiện và hoàn tất bài hình họa sơn dầu đúng yêu cầu.

- SV biết nhận xét về tính biểu cảm của sắc độ và hòa sắc (gam nóng, gam lạnh) để thể hiện không gian sơn dầu trong hình họa.

4.2. Về kỹ năng

- SV hoàn thiện kỹ thuật vẽ sơn dầu thông qua các bài hình họa toàn thân

- SV có khả năng nghiên cứu sâu về hình thái, cấu trúc và sự vận động của cơ thể người, có khả năng thể hiện các hòa sắc đẹp.

- SV khả năng thể hiện phong cách định hướng cho sáng tác.

#### 4.3. Về thái độ

- SV có thái độ làm việc nghiêm túc, yêu quý hiểu và tôn trọng giá trị tác phẩm mỹ thuật.

- SV cảm nhận được cái đẹp của ngôn ngữ tạo hình trong tác phẩm hội họa.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Các yếu tố thực hiện trong hình họa toàn thân người chất liệu sơn dầu nâng cao</b>	10	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Giới thiệu tài liệu cho SV
<b>1.1. Hình thái nét trong tạo hình.</b>		
1.1.1. Nét kiểu tự nhiên		
1.1.2. Nét kiểu cá tính		
1.1.3. Nét mạnh mẽ		
1.1.4. Nét rung động		
1.1.5. Tương quan màu sắc, đường nét, sắc độ		
<b>1.2. Khối và sự vận động của khối</b>		
1.2.1. Khối tĩnh		
1.2.2. Khối động		
1.2.1. Khối biến thể và tính vận động, nhịp điệu		
<b>1.3. Màu và sự vận động của màu</b>		
1.3.1. Hài hòa màu		
1.3.2. Tương quan màu		
1.3.2.1. Tương quan nóng lạnh		
1.3.2.2. Tương quan nặng nhẹ		
1.3.2.3. Tương quan xa gần		
1.3.2.4. Tính biểu cảm của hòa sắc trong hình họa		
<b>1.4. Nghiên cứu Giải phẫu</b>		
1.4.1. Động tác, tư thế hoạt động của con người		
1.4.2. Sự cân bằng trong các dáng, tư thế của con người		
1.4.3. Sự cân bằng trong các dáng, tư thế của con người		
1.4.4. Sự vận động của hệ xương - cơ toàn thân trong hoạt động		
<b>Chương 2: Bố cục và tạo hình trong hình họa</b>	10	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Sử dụng hình ảnh minh họa
<b>2.1. Ý nghĩa góc nhìn và tìm bố cục hình họa</b>		
2.1.1. Góc nhìn thẳng, xiên		
2.1.2. Góc nhìn từ dưới lên, từ trên xuống		

2.1.3. Phác thảo bố cục màu ( mảng, hình lớn..)		
2.1.4. Tỷ lệ người, đồ vật, không gian thể hiện hiện hình họa.		
<b>2.2. Nghiên cứu các hình thức tạo hình</b>		
2.2.1 Tạo hình trên cơ sở hình mảng, đường nét		
2.2.2. Tạo hình trên cơ sở màu sắc		
2.2.3. Tạo hình trên cơ sở biến hình		
<b>2.3. Phong cách trong tạo hình</b>		
2.3.1. Phong cách trong bút pháp thể hiện		
2.3.2. Phong cách trong thể loại tạo hình		
2.3.3. Phong cách trong tư duy bố cục		
<b>Chương 3: Nghiên cứu vận dụng trong phương pháp thực hiện và thực hành bài hình họa toàn thân người với đồ vật</b>		
<b>3.1. Quan sát và nhận xét</b>		
3.1.1. Chọn góc vẽ - Xác định vị trí mẫu vẽ		
3.1.2. Xác định hướng tạo hình – Hòa sắc		
3.1.3. Tìm bố cục chung thực hiện bài hình họa		
<b>3.2. Dựng hình</b>		
3.2.1. Phác nét kỹ hà từ chi tiết đến nâng cao		
3.2.2. Tìm mảng sáng tối lớn toàn bộ mẫu		
3.2.2. Tìm hình khối - Chính hình		
3.3. Lên màu		
3.3.1. Tìm chủ sắc		
3.2.2. Tìm tương quan màu sắc		
3.3.3. Vận dụng sắc độ và nóng lạnh của màu thể hiện khối và không gian		
<b>3.3. Kỹ thuật vẽ sơn dầu</b>		
3.3.1. Lên sơn từ mỏng đến dày		
3.3.2. Lên màu từ nhạt đến đậm		
3.3.3. Lên tương quan đậm nhạt của mẫu và nền		
3.3.4. Lên tương quan nóng lạnh của màu sắc		
<b>3.4. Hoàn chỉnh bài</b>		
3.4.1. Đánh giá hòa sắc, màu nhấn và trọng tâm bài vẽ		
3.4.2. Đánh giá tạo hình và phong cách tạo hình		
<b>3.5. Thực hành</b>		
Vẽ mẫu toàn thân nữ (mặc áo dài) với tĩnh vật (bình hoa và vải nền), chất liệu sơn dầu	10	Thuyết trình, phân tích Hướng dẫn trực quan
	30	Thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình

Kích thước vải bố: 80cm x 100cm		
Vẽ mẫu nữ khò thân với tĩnh vật (có bình hoa, đồ vật và vải nền) chất liệu sơn dầu		
Kích thước vải bố: 80cm x 100cm		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Triệu Khắc Lễ (2000), *Hình họa và điêu khắc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Tiên Hiếu (2004), *Giáo trình Giải phẫu tạo hình*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Huỳnh Phạm Hương Trang (2003), *Bí quyết vẽ sơn dầu*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

4. Họa sĩ Uyên Huy (2009), *Màu sắc và phương pháp sử dụng*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
5. Vương Hoàng Lục (2006), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
6. Nguyễn Quân (2005), *Con mắt nhìn cái đẹp*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 3 buổi
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh    ThS. Nguyễn Tất Mão    ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN**  
**SÁNG TÁC CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Sáng tác chuyên đề tốt nghiệp
- Mã học phần: 817305
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30; 0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/ cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Sáng tác 3 (817066)
  - + Đòi hỏi môn song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Học phần Sáng tác chuyên đề tốt nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về không gian trong nghệ thuật và kỹ năng sử dụng thành thạo chất liệu sơn dầu, kỹ năng sáng tác tranh sơn dầu và các loại chất liệu khác nhằm nâng cao kỹ năng tạo hình và sáng tạo tác phẩm mỹ thuật chất lượng cao với mục đích phục vụ cộng đồng.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức.

- Sinh viên hiểu các khái niệm về nghệ thuật đương đại thông qua việc tiếp cận các xu hướng nghệ thuật từ cuối thế kỷ XIX đến nay;
- Sinh viên vận dụng các phương pháp sáng tác tác mỹ thuật theo xu hướng hiện đại;
- Sinh viên phân tích, xử lý chất liệu để vận dụng vào việc thực hiện tác phẩm;
- Sinh viên đánh giá cao tầm quan trọng của nghệ thuật đối với cộng đồng.

4.2. Về kỹ năng.

- Sinh viên vận dụng được những nền tảng cơ bản trong kinh nghiệm thị giác vào việc hình thành ý tưởng và tự sáng tác một tác phẩm nghệ thuật.;
- Sinh viên thể hiện thuần thục phác thảo bằng tay và trình bày ý tưởng;
- Sinh viên xử lý được bố cục trong sáng tác;
- Sinh viên phân tích, đánh giá được các tác phẩm nghệ thuật đương đại;
- Sinh viên chọn lọc được các tư liệu thực tế vận dụng vào quá trình sáng tác;
- Sinh viên sử dụng thành thạo chất liệu sơn dầu để sáng tác tranh;
- Sinh viên tự sáng tác được tranh sơn dầu và chất liệu khác.



## 4.3. Về thái độ.

- Sinh viên có thái độ làm việc nghiêm túc;
- Sinh viên biết tôn trọng quá trình lao động sáng tạo của những người xung quanh và của bản thân;
- Sinh viên biết trân trọng các tác phẩm nghệ thuật.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá
<b>Chương 1: Thực hành sáng tác tranh đề tài bằng chất liệu sơn dầu</b>		
<b>1.1. Tranh phong cảnh (tự chọn)</b>	15	Thuyết trình, thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình
1.1.1. Phong cảnh miền núi khổ bố 60x80 (cm)		
1.1.2. Phong cảnh miền biển khổ bố 60x80 (cm)		
<b>1.2. Đề tài sinh hoạt lễ hội (tự chọn)</b>	15	
1.2.1. Lễ hội dân gian truyền thống khổ bố 70x85 (cm)		
1.2.2. Hoạt động văn hóa nghệ thuật khổ bố 70x85 (cm)		
<b>2. Chương 2: Thực hành sáng tác tranh bằng chất liệu tổng hợp</b>		
<b>2.1. Tranh phong cảnh (tự chọn)</b>	15	Thuyết trình, thực hành, kiểm tra Đánh giá quá trình
2.1.1. Phong cảnh miền núi khổ bố 60x80 (cm)		
2.2.2. Phong cảnh miền biển khổ bố 60x80 (cm)		
<b>2.2. Đề tài sinh hoạt lễ hội (tự chọn)</b>	15	
2.2.1. Lễ hội dân gian truyền thống khổ bố 70x85(cm)		
2.2.2. Hoạt động văn hóa nghệ thuật khổ bố 70x85(cm)		

**6. Tài liệu học tập**

## 6.1. Tài liệu chính

1. Phương Đoàn Diên (2006), *Nghệ thuật sắp đặt*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
2. Lê Thanh Đức (1998), *Nghệ thuật modec và hậu modec*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
3. Vương Hoàng Lực (1998), *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
4. Nguyễn Quân (1998), *Con mắt nhìn cái đẹp*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
5. Lê Huy Văn và Trần Từ Thành (2000), *Cơ sở tạo hình*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

## 6.2. Tài liệu khác

6. Lê Thành Đức (2006), *Nghệ thuật hội họa*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
7. Ocvirn, Stison Wigg, Bone, Cariton - Lê Thành dịch (2006), *Những nền tảng của Mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
8. Richard Appgaesi, Trần Cao Tiến Đăng dịch (2006), *Nhập môn chủ nghĩa hậu hiện đại*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

**7. Cách đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Thực hành, thời gian làm bài 3 buổi
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
  - Điểm kết thúc học phần (hệ số phải hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần là điểm trung bình chung của điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão      ThS. Đỗ Xuân Tịnh

**HỌC PHẦN**  
**TIN HỌC ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH MỸ THUẬT 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ thuật 2
- Mã học phần: 817121
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (30;0; 0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ thuật 1 (817301)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 35

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật**

**3. Mô tả học phần**

Tin học ứng dụng chuyên ngành Mỹ Thuật 2 cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nâng cao trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt là trong quá trình thiết kế.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- SV hiểu rõ sự vận dụng kết hợp các phần mềm đồ họa trong thiết kế.
- SV biết được vai quan trọng của đồ họa máy tính với cuộc sống.
- SV nắm rõ các nguyên tắc hoạt động và hiệu ứng của phần mềm đồ họa

4.2. Về kỹ năng

- SV có kỹ năng thiết kế sáng tạo các tác phẩm Mỹ thuật ứng dụng trên máy tính.
- SV vận dụng kết hợp được các phần mềm đồ họa vào trong thực tiễn.
- SV có kỹ năng thiết kế, sáng tạo đồ họa ứng dụng vào những bài học nâng cao cụ thể như thiết kế poster quảng cáo, tranh cổ động...

4.3. Về thái độ

- SV nghiêm túc trong sáng tạo nghệ thuật.
- SV biết trân trọng những tác phẩm đồ họa máy tính.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1.Chương 1: Khái quát về phần mềm Photoshop (Photoshop CS4)</b>	10	Sử dụng bài giảng điện tử, GV diễn giảng, phân tích. Bài tập, thảo luận
<b>1.1. Tổng quan về Photoshop</b>		
1.1.1. Giao diện		
1.1.2. Những công cụ cơ bản		
<b>1.2. Chỉnh sửa hình ảnh với Photoshop</b>		
1.2.1. Chỉnh sửa độ phân giải của hình ảnh		
1.2.2. Chỉnh sửa nội dung hình ảnh		
<b>Chương 2: Ứng dụng kết hợp phần mềm CorelDraw và Photoshop trong thiết kế</b>	20	Trình chiếu GV diễn giảng, phân tích. Bài tập, thảo luận
<b>2.1. Sử dụng Photoshop để chỉnh sửa hình ảnh</b>		
2.1.1. Chọn nội dung hình ảnh		
2.1.2. Chỉnh sửa hình ảnh theo chủ đề thiết kế		
<b>2.2. Sử dụng hình ảnh đã chỉnh sửa trong CorelDraw</b>		
2.2.1. Hiệu chỉnh hình, phối hợp với công cụ vẽ tạo hình		
2.2.2. Thực hành vẽ hình kết hợp với sử dụng hình ảnh theo chủ đề thiết kế		
<b>2.3. Thực hành</b>	15	Thực hành máy GV hướng dẫn trực quan Đánh giá Kiểm tra học phần
Thiết kế một poster quảng cáo sử dụng kết hợp phần mềm đồ họa CorelDraw và Photoshop		
Thiết kế một tranh cổ động với phần mềm đồ họa CorelDraw và Photoshop		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trung tâm Tin học trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP.HCM (2008), *Giáo trình CorelDRAW*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM.
2. Hà Thành - Trí Việt (2014), *Tự học CorelDRAW X4*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Nguyễn Minh Đức (2010), *Tạo các hiệu ứng đặc biệt cho các hình trong CorelDRAW 12*, NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kỳ
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: thực hành, thời gian làm bài: 180 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.0.;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.0;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT                    TRƯỞNG NGÀNH    TRƯỞNG BỘ MÔN            NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Đỗ Xuân Tịnh      ThS. Nguyễn Tất Mão              ThS. Đỗ Xuân Tịnh